

# CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ

HƯỚNG TỚI KHÁNG CỰ 1.280 – 1.300 ĐIỂM!

Tuần 10.02 – 14.02.2025



# Diễn biến TTCK Thế Giới

- TTCK Mỹ điều chỉnh đi ngang trước những nhiễu động từ chính sách thuế quan và nỗi lo lạm phát.

---

- Tăng trưởng việc làm tại Mỹ có dấu hiệu chậm lại đáng kể.

---

- Hoạt động sản xuất tại Mỹ (PMI) đã quay lại chu kỳ tăng trưởng, hoạt động dịch vụ có dấu hiệu chậm lại.

---

- Tâm lý người tiêu dùng của Đại học Michigan tại Mỹ giảm, kỳ vọng lạm phát tăng vọt.

---

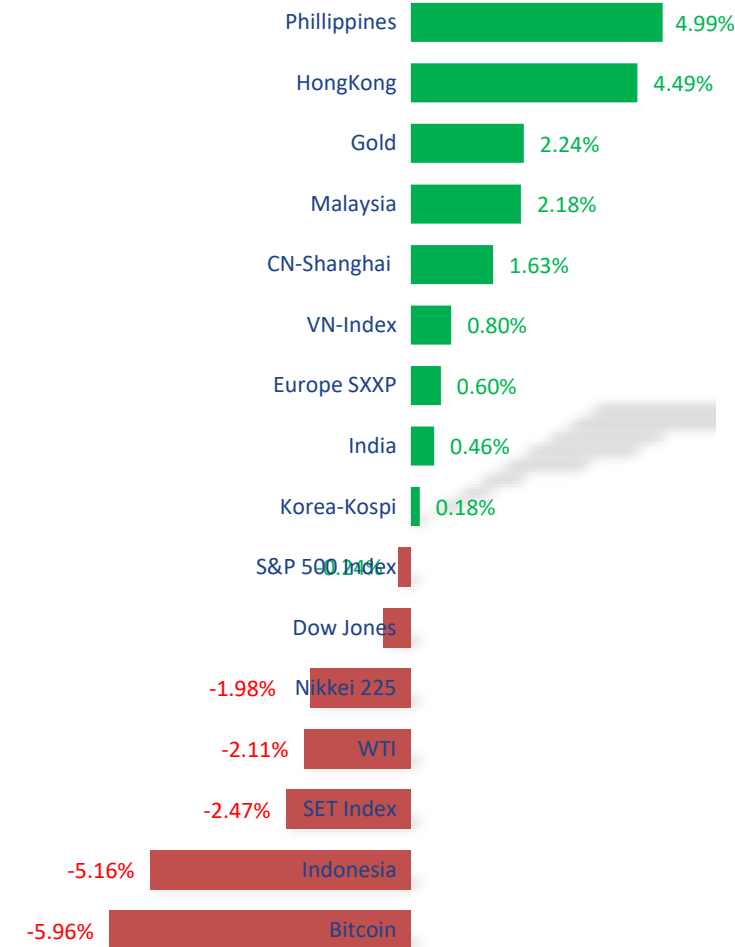
- Fed tạm dừng chu kỳ cắt giảm lãi suất trong tháng 1, kỳ vọng hạ lãi suất rơi vào giữa mùa hè.

---

TTCK toàn cầu điều chỉnh và phân hóa trước những nhiễu động từ chính sách thuế quan và nỗi lo lạm phát

## Diễn biến thị trường chứng khoán toàn cầu

Indexs	Last	Weekly	YTD	P/E	P/B
S&P 500 Index	6,026.0	-0.24%	2.45%	27.17	5.23
Dow Jones	44,303.4	-0.54%	4.13%	24.17	5.39
Europe SXXP	542.8	0.60%	6.92%	15.79	2.15
Nikkei 225	38,787.0	-1.98%	-2.78%	18.07	2.10
CN-Shanghai	3,303.7	1.63%	-1.43%	16.02	1.37
Korea-Kospi	2,521.9	0.18%	5.10%	11.95	0.88
HongKong	21,133.5	4.49%	5.35%	10.51	1.17
<b>VN-Index</b>	<b>1,275.2</b>	<b>0.80%</b>	<b>0.66%</b>	<b>13.78</b>	<b>1.73</b>
Malaysia	1,590.9	2.18%	-3.13%	14.69	1.45
SET Index	1,282.1	-2.47%	-8.44%	17.24	1.26
Indonesia	6,742.6	-5.16%	-4.76%	15.56	1.85
Phillippines	6,155.0	4.99%	-5.73%	10.78	1.36
India	77,860.2	0.46%	-0.36%	22.82	3.54
WTI	71.0	-2.11%	-1.00%		
Gold	2,861.1	2.24%	9.01%		
Bitcoin	96,020.0	-5.96%	2.46%		



## Toàn cảnh thông tin tác động đến diễn biến TTCK thế giới trong tuần qua

- **TTCK Mỹ điều chỉnh đi ngang trước những nhiễu động từ chính sách thuế quan và nỗi lo lạm phát.** TTCK Mỹ rung lắc trong xu hướng đi ngang trong tuần vừa qua trước những nhiễu động từ chính sách thuế quan tuy nhiên vẫn ghi nhận mức tăng trưởng 2,45% so với đầu năm. Sự bất ổn xung quanh các chính sách thuế quan và lạm phát vẫn tiếp tục có lẽ là gánh nặng lớn nhất trên thị trường.
- **Tổng thống Trump đã xác nhận thỏa thuận tạm thời hoãn đánh thuế mới với hàng hóa Mexico và Canada.** Lãnh đạo 2 nước trên đã có những động thái chấp nhận yêu cầu của Mỹ để tránh bị áp mức thuế 25%. Một số nhà đầu tư lạc quan trở lại khi cho rằng thuế quan chỉ là công cụ đàm phán với các quốc gia khác.
- **Các số liệu kinh tế Mỹ mới công bố vẫn đang khá tích cực.** Chỉ số sản xuất của ISM tăng từ 49,3 lên 50,9 trong tháng 1, vượt dự báo. Chỉ số giá nguyên liệu đầu vào tăng lên 54,9 từ 52,5; cho thấy lạm phát vẫn đang tăng.
- **Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) dịch vụ giảm xuống mức 52,8 điểm trong tháng 1 từ mức 54 điểm trong tháng 12, thay vì tăng lên mức 54,3 điểm như dự báo.** Dữ liệu này phản ánh hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tiếp tục tăng trưởng, nhưng tốc độ tăng đã sụt giảm.
- **Số liệu về việc làm của Mỹ phục hồi, với chỉ số việc làm tăng từ 45,4 lên 50,3.** Báo cáo hàng tháng từ công ty ADP cũng cho thấy khu vực tư nhân của nền kinh tế Mỹ có 183.000 công việc mới trong tháng 1/2025, so với mức dự báo 150.000 công việc mới mà các nhà phân tích đưa ra. Tuy nhiên, điều này làm giảm khả năng cắt giảm lãi suất của Fed do lo ngại lạm phát tăng.
- **Nhập khẩu vào Mỹ tháng 12 tăng mạnh, thâm hụt thương mại tăng gần 25% so với tháng 11, lên mức 98,4 tỷ USD.** Đây là mức thâm hụt cao nhất kể từ tháng 3/2022 và là mức cao thứ hai từ trước đến nay. Các nhà nhập khẩu Mỹ đã đẩy nhanh việc nhập khẩu các đơn hàng để để phòng các mức thuế cao hơn từ chính quyền mới.
- **Tỷ lệ lạm phát của khu vực đồng Euro tăng vào tháng 1.** Tỷ lệ lạm phát hàng năm tại Khu vực đồng Euro tăng nhẹ lên 2,5% vào tháng 1 năm 2025 từ mức 2,4% vào tháng 12, cao hơn một chút so với kỳ vọng của thị trường là 2,4%, một ước tính sơ bộ cho thấy. Đây là tỷ lệ lạm phát cao nhất kể từ tháng 7 năm 2024, chủ yếu do chi phí năng lượng tăng mạnh (1,8% so với 0,1% vào tháng 12).
- **ECB cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản.** Ngân hàng Trung ương Châu Âu đã hạ lãi suất chủ chốt 25 điểm cơ bản vào tháng 1 năm 2025, như dự kiến, giảm lãi suất tiền gửi xuống 2,75%, lãi suất tái cấp vốn chính xuống 2,90% và lãi suất cho vay biên xuống 3,15%. Động thái này phản ánh triển vọng lạm phát được cập nhật của ECB, với áp lực giá cả giảm theo dự báo
- **Ngân hàng trung ương Anh (BoE) đã cắt giảm lãi suất chủ chốt 0,25 điểm phần trăm, xuống 4,5%, đánh dấu lần cắt giảm thứ ba trong vòng 6 tháng qua.** Tuy nhiên, BoE cũng đưa ra cảnh báo cho năm 2025, hạ dự báo tăng trưởng kinh tế từ 1,5% xuống còn 0,75% và dự đoán lạm phát của nước này sẽ tăng lên 3,7% vào mùa Thu năm nay - gần gấp đôi mục tiêu 2% do Chính phủ đặt ra.
- **Chỉ số PMI tổng hợp của khu vực đồng Euro đã tăng lên 50,2 điểm trong tháng đầu năm từ mức 49,6 điểm của tháng 12 năm ngoái.** PMI dịch vụ đạt 51,3 điểm tháng vừa qua, thấp hơn không đáng kể so với số điểm 51,6 của tháng liền kề trước đó.
- **Chính phủ Trung Quốc ngày 4/2 đã áp thuế quan trả đũa lên hàng hóa Mỹ có hiệu lực từ ngày 10/2.** Các mặt hàng gồm than và khí đốt hóa lỏng (LNG) với mức thuế 15%; dầu thô, thiết bị nông nghiệp và một số loại ô tô có mức thuế 10%. Động thái này được đưa ra ngay sau khi thuế quan bổ sung 10% mà ông Trump áp lên toàn bộ hàng hóa Trung Quốc chính thức có hiệu lực.
- **Tăng trưởng hoạt động dịch vụ của Trung Quốc chậm lại trong tháng 1 khi việc làm tiếp tục thu hẹp.** Chỉ số nhà quản trị mua hàng (PMI) lĩnh vực dịch vụ Caixin/S&P Global đã giảm từ 52,2 điểm xuống còn 51,0 trong tháng vừa qua.

# DIỄN BIẾN TTCK MỸ TRONG TUẦN QUA

## TTCK Mỹ điều chỉnh đi ngang trước những nhiễu động từ chính sách thuế quan và nỗi lo lạm phát

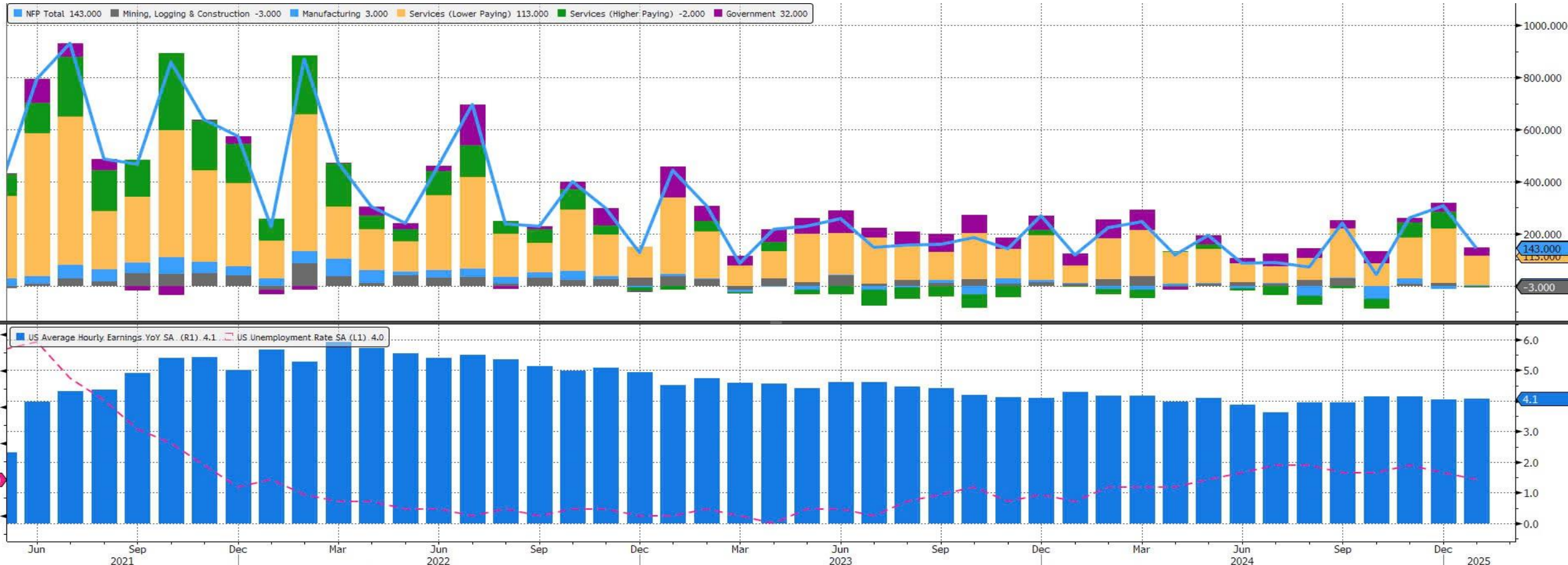
- TTCK Mỹ rung lắc trong xu hướng đi ngang trong tuần vừa qua trước những nhiễu động từ chính sách thuế quan tuy nhiên vẫn ghi nhận mức tăng trưởng 2,45% so với đầu năm. Sự bất ổn xung quanh các chính sách thuế quan và lạm phát vẫn tiếp tục có lẽ là gánh nặng lớn nhất trên thị trường. Trong khi thuế quan của Hoa Kỳ đối với Canada và Mexico đang tạm dừng cho các mục đích đàm phán trong khi vẫn ở mức 10% đối với Trung Quốc thì nếu có bất kỳ sự leo thang đáng kể nào đều có thể gây ra một số áp lực lạm phát và tăng trưởng thấp hơn.
- Điểm tích cực là kinh tế Mỹ vẫn tiếp tục phục hồi mạnh mẽ với mức tăng trưởng GDP quý IV đạt 2,3% theo năm và mức tăng trưởng cả năm là 2,8%. Tiêu dùng vốn chiếm tới 68% GDP của Hoa Kỳ đã tăng 4,2% trong quý 4 năm 2024 và đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất trong năm. Và hoạt động sản xuất tại Hoa Kỳ cũng bắt đầu cho thấy dấu hiệu hồi sinh sau khi chỉ số ISM PMI đã cho thấy sự mở rộng lần đầu tiên kể từ năm 2022. Thị trường lao động lành mạnh vẫn sẽ hỗ trợ cho thị trường chứng khoán, bất chấp sự bất ổn về chính sách thương mại. Về xu hướng, chỉ số S&P 500 đang nằm trong một kênh tăng giá, với các mức hỗ trợ mạnh tại 5.887 điểm tuy nhiên có những dấu hiệu của sự điều chỉnh hoặc pullback nhẹ khi chưa vượt qua được kháng cự Fibonacci Projection 150% tại 6.132 điểm.



# DỮ LIỆU KINH TẾ MỸ TRONG TUẦN

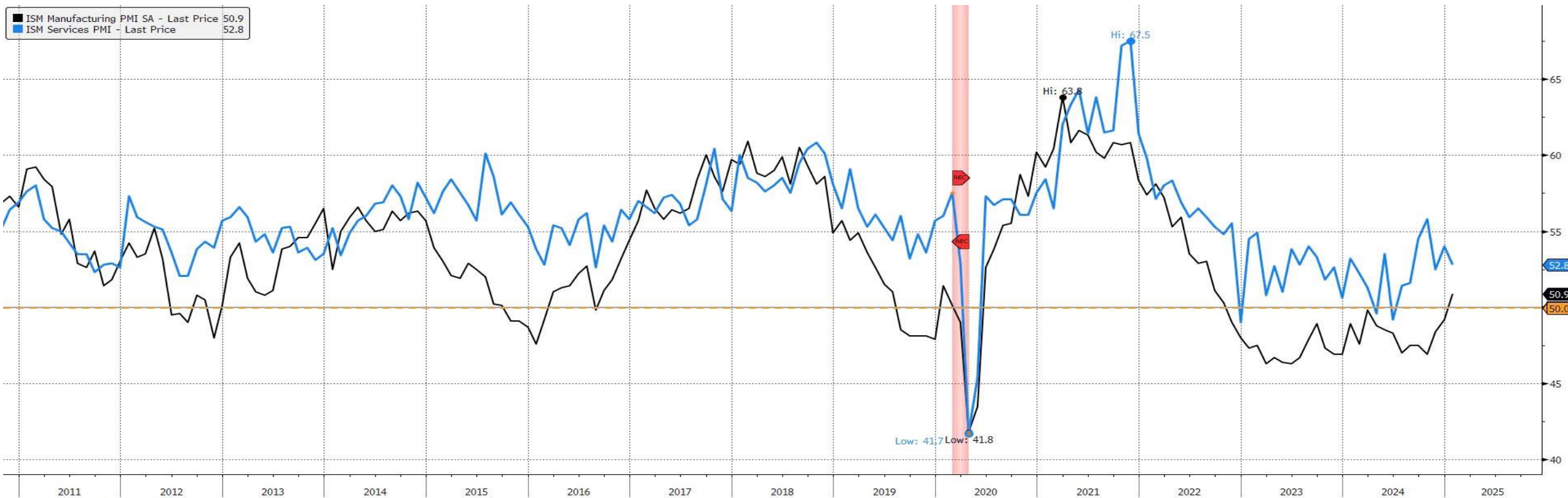
## Tăng trưởng việc làm tại Mỹ có dấu hiệu chậm lại đáng kể

- Nền kinh tế Hoa Kỳ đã tăng thêm 143 nghìn việc làm vào tháng 1 năm 2025, thấp hơn nhiều so với mức tăng 307 nghìn đã được điều chỉnh tăng vào tháng 12 và dự báo là 170 nghìn. Việc làm tăng lên trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe (44 nghìn), bán lẻ (34 nghìn) và trợ cấp xã hội (22 nghìn) và việc làm trong chính phủ tiếp tục có xu hướng tăng (32 nghìn). Trong đó, hai tháng tăng trưởng việc làm gần đây đã được điều chỉnh cao hơn, đưa mức trung bình ba tháng lên mức 241.000 lành mạnh, cao hơn mức trung bình 165.000 trong 12 tháng qua.
- Tỷ lệ thất nghiệp tại Hoa Kỳ đã giảm xuống 4,0%, thấp hơn mức kỳ vọng là 4,1% và mức 4,1% của tháng trước, và vẫn thấp hơn nhiều so với mức trung bình dài hạn của Hoa Kỳ là 5,7%. Một lĩnh vực cần theo dõi là thu nhập trung bình theo giờ đã tăng lên 4,1% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn kỳ vọng là 3,8%. Mức tăng lương cao có thể gây áp lực tăng lên lạm phát dịch vụ, hỗ trợ cho lập luận Cục Dự trữ Liên bang vẫn giữ nguyên lãi suất cắt giảm trong thời điểm hiện tại.



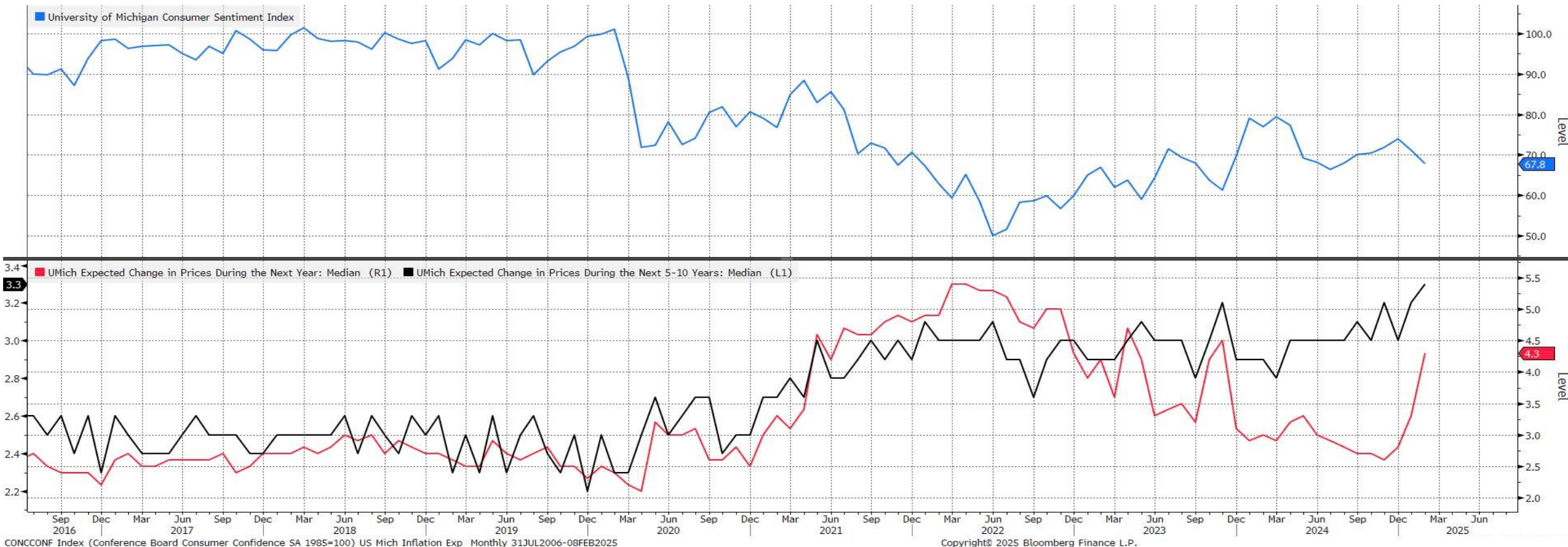
## Hoạt động sản xuất tại Mỹ (PMI) đã quay lại chu kỳ tăng trưởng, hoạt động dịch vụ có dấu hiệu chậm lại

- Chỉ số PMI sản xuất ISM của Mỹ đã tăng lên 50,9 vào tháng 1 năm 2025 từ mức 49,2 đã được điều chỉnh giảm vào tháng 12/2024 và vượt qua dự báo là 49,8. Chỉ số này chỉ ra sự mở rộng đầu tiên trong lĩnh vực sản xuất của nhà máy chiếm 10,3% nền kinh tế sau 26 tháng liên tiếp suy giảm. Đơn đặt hàng mới tăng với tốc độ nhanh hơn (55,1 so với 52,1) trong khi sản xuất phục hồi (52,5 so với 49,9) và việc làm tăng trở lại (50,3 so với 45,4).
- Trong khi đó, chỉ số PMI dịch vụ ISM đã giảm xuống 52,8 vào tháng 1/2025 từ mức 54 đã được điều chỉnh giảm vào tháng 12 năm 2024 và thấp hơn nhiều so với dự báo là 54,3. Chỉ số này chỉ ra sự mở rộng chậm hơn trong lĩnh vực dịch vụ, do hoạt động kinh doanh tăng ít hơn (54,5 so với 58) và đơn đặt hàng mới chậm lại. Chỉ số đơn đặt hàng mới của cuộc khảo sát ISM đã giảm từ 54,4 vào tháng 12 xuống 51,3. Điều đó đã giúp kéo chỉ số giá phải trả cho đầu vào dịch vụ xuống 60,4 từ 64,4 vào tháng 12, đây là mức cao nhất kể từ tháng 2 năm 2023. Đó là một dấu hiệu đáng mừng sau khi tiến trình đưa lạm phát xuống mục tiêu 2% của Cục Dự trữ Liên bang bị đình trệ trong những tháng gần đây. Tuy nhiên, triển vọng lạm phát vẫn chưa chắc chắn khi chính quyền của Tổng thống Donald Trump theo đuổi thuế quan đối với các đối tác thương mại của Hoa Kỳ và trục xuất hàng loạt, những hành động mà các nhà kinh tế cảnh báo sẽ làm tăng giá cho người Mỹ.



## Tâm lý người tiêu dùng của Đại học Michigan tại Mỹ giảm, kỳ vọng lạm phát tăng vọt

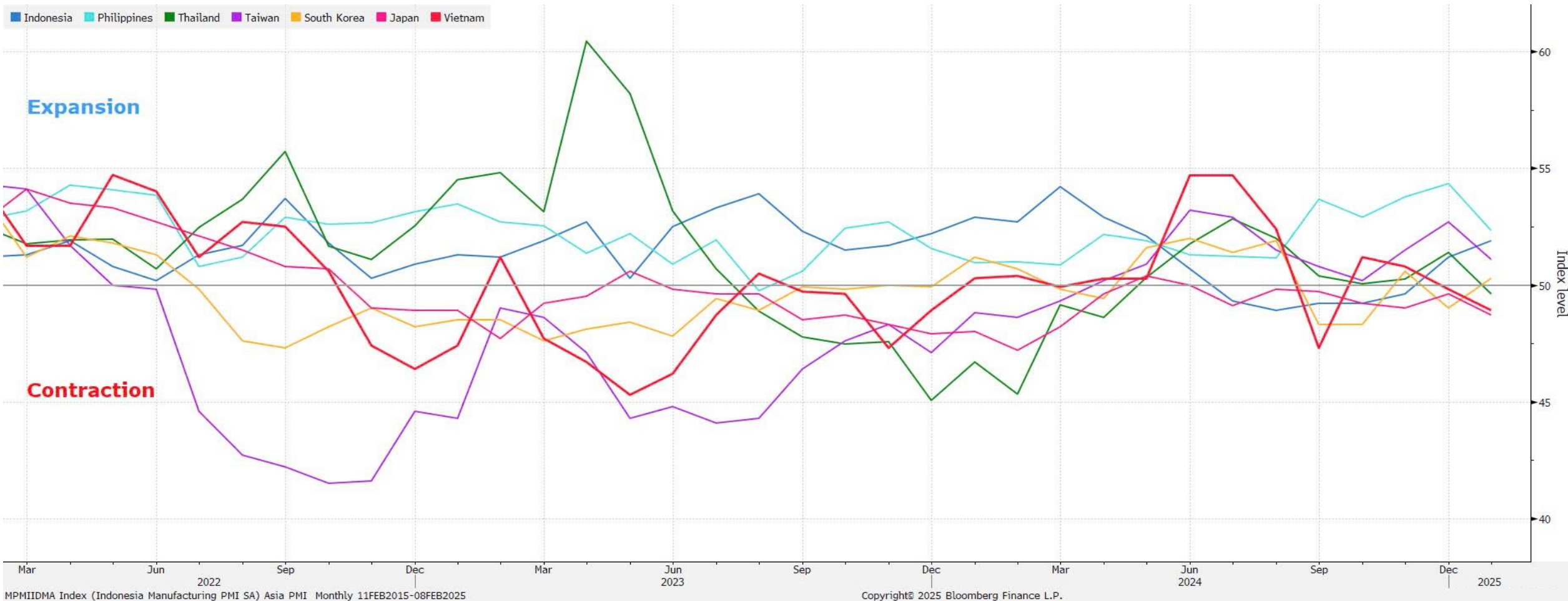
- Niềm tin của người tiêu dùng Mỹ bất ngờ giảm vào tháng 2 xuống mức thấp nhất trong bảy tháng và kỳ vọng lạm phát tăng vọt khi các hộ gia đình lo ngại có thể đã quá muộn để tránh những tác động tiêu cực đến sức mua của họ do mức thuế quan mà Tổng thống Donald Trump đe dọa áp dụng.
- Cuộc khảo sát người tiêu dùng của Đại học Michigan cho thấy chỉ số tâm lý người tiêu dùng đã giảm xuống 67,8 vào tháng 2/2025 từ 71,1 vào tháng 1 và thấp hơn dự báo là 71,1. Tâm lý người tiêu dùng đã giảm trong tháng thứ 2 liên tiếp và đạt mức thấp nhất kể từ tháng 7 năm 2024, với thước đo về điều kiện kinh tế hiện tại giảm xuống 68,7 từ 74 và chỉ số kỳ vọng giảm xuống 67,3 từ 69,3.
- Ngoài ra, kỳ vọng lạm phát cho năm tới tăng vọt lên 4,3%, mức cao nhất kể từ tháng 11 năm 2023, từ 3,3%. Đây chỉ là lần thứ năm trong 14 năm, cuộc khảo sát chứng kiến mức tăng lớn như vậy trong một tháng (một điểm phần trăm trở lên) trong kỳ vọng lạm phát cho năm tới. Nhiều người tiêu dùng dường như lo ngại rằng lạm phát cao sẽ quay trở lại trong khi đó, kỳ vọng lạm phát dài hạn tăng lên 3,3%, mức cao nhất kể từ tháng 6 năm 2008, từ mức 3,2%.





## Ngành sản xuất ASEAN khởi đầu năm 2025 với tốc độ tăng trưởng chậm hơn

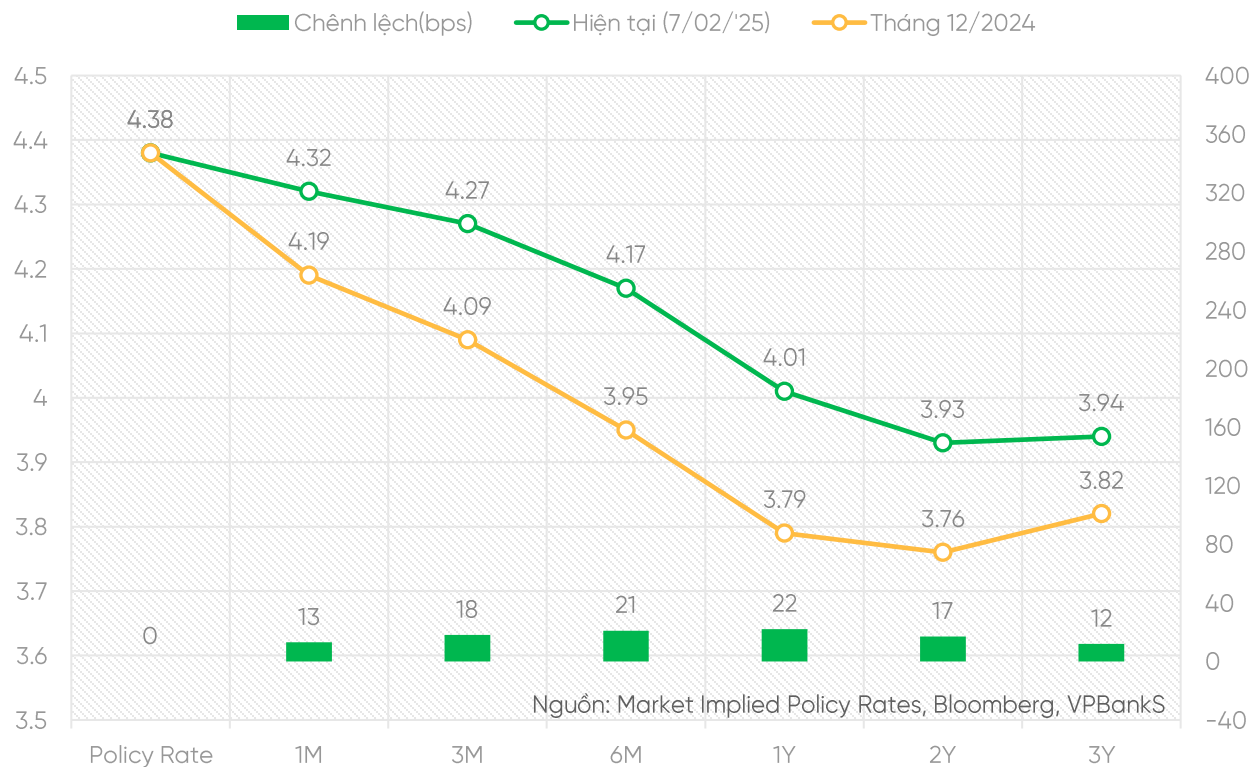
- Ngành sản xuất khu vực ASEAN có mức cải thiện nhẹ trong tháng 1 khi đạt kết quả 50,4 điểm, giảm so với 50,7 điểm của tháng 12 và là mức thấp nhất trong gần một năm. Động lực tăng trưởng của cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới yếu đi khiến hoạt động mua hàng chỉ tăng nhẹ và hạn chế. Ở một khía cạnh tích cực, sau hai tháng giảm việc làm, tình hình việc làm đã ổn định. Chỉ số PMI của Thái Lan, Malaysia, Singapore, Việt Nam, Myanmar xuống dưới mức 50 trong khi Indonesia và Philippines vẫn nằm ở mức mở rộng. Các nền kinh tế xuất khẩu lớn như Hàn Quốc và Việt Nam đã chứng kiến sự thu hẹp hoạt động sản xuất do sự sụt giảm đơn hàng xuất khẩu. Điều này phản ánh nhu cầu quốc tế yếu kém kéo dài. Ảnh hưởng từ chính sách thuế quan mới của Mỹ đã gây lo ngại về làn sóng bảo hộ thương mại mới, ảnh hưởng đến triển vọng sản xuất và thương mại của nhiều nước châu Á.



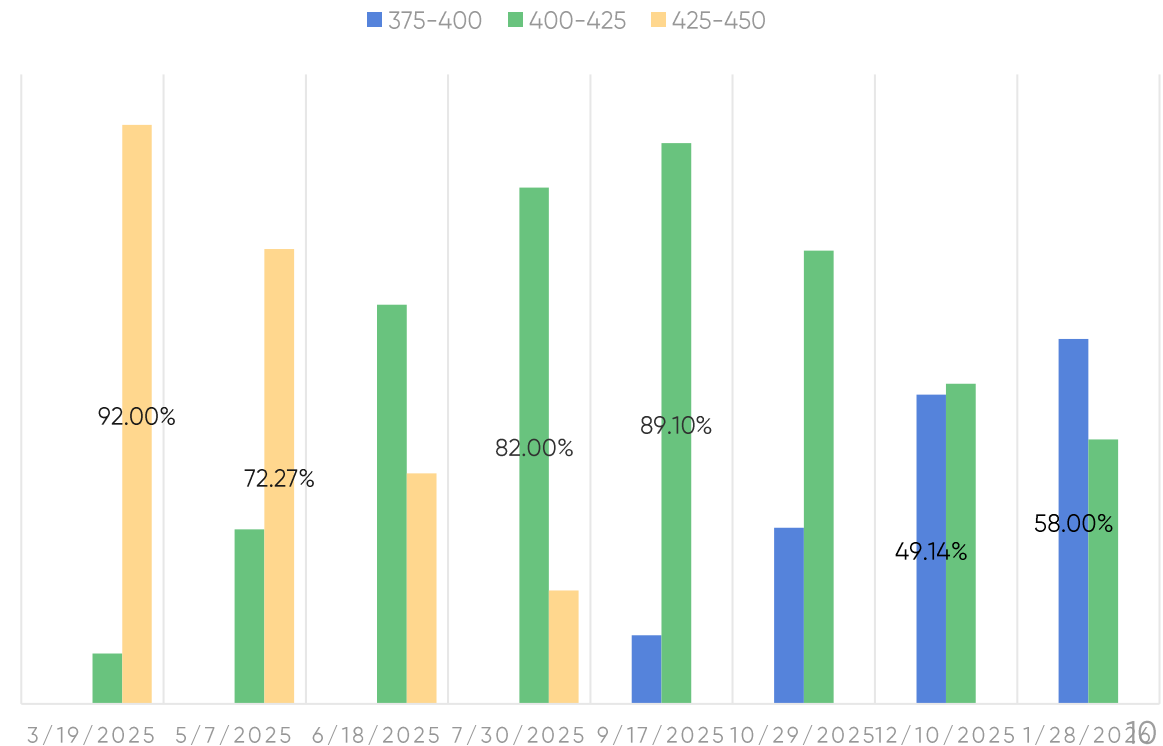
## Fed tạm dừng chu kỳ cắt giảm lãi suất trong tháng 1, kỳ vọng hạ lãi suất rơi vào giữa mùa hè

- Cục Dự trữ Liên bang giữ nguyên lãi suất liên bang trong cuộc họp tháng 1/2025 ở mức 4,25%-4,5%, phù hợp với kỳ vọng. Ngân hàng trung ương đã tạm dừng chu kỳ cắt giảm lãi suất sau ba lần giảm liên tiếp vào năm 2024, tổng cộng là một điểm phần trăm. Chủ tịch Powell cho biết Fed không vội hạ lãi suất và tạm dừng cắt giảm để xem xét diễn tiến của lạm phát. Các nhà hoạch định chính sách lưu ý rằng các chỉ số gần đây cho thấy hoạt động kinh tế vẫn tiếp tục mở rộng với tốc độ vững chắc. Tỷ lệ thất nghiệp đã ổn định ở mức thấp trong những tháng gần đây và điều kiện thị trường lao động vẫn vững chắc. Ngoài ra, ngân hàng trung ương thừa nhận rằng lạm phát vẫn ở mức cao và đã xóa bỏ tham chiếu trước đó về tiến trình đang diễn ra hướng tới mục tiêu 2%.
- Theo dữ liệu từ Bloomberg, đường cong lãi suất chính sách theo phản ứng dự báo của thị trường đang cho thấy nông hơn so với thời điểm tháng 12/2024 cho thấy kỳ vọng hạ lãi suất ít hơn 2 lần trong năm 2025. Còn theo dự báo của CME Group khả năng lần hạ lãi suất lần đầu tiên trong năm 2025 có thể rơi vào giữa mùa hè còn lần tiếp theo có thể sẽ rơi vào cuối năm nhưng triển vọng không chắc chắn.

### Dự báo đường cong lãi suất (MIPR)



### Dự báo khả năng hạ lãi suất (CME Group)



## Dòng vốn vẫn duy trì tín hiệu bán ròng ở nhiều thị trường khu vực Châu Á

- Chỉ số DXY giảm nhưng vẫn biến động trên nền cao trong tuần này khi kết thúc tuần ở mức 108 điểm. Do đó, dòng vốn tại khu vực Châu Á vẫn chịu áp lực và chỉ mua ròng ở một số thị trường như: Thái Lan, Philippines... Còn lại xu hướng rút vốn ròng vẫn đang tiếp diễn ở hầu hết các thị trường lớn như: Ấn Độ, Indonesia, Đài Loan, Hàn Quốc, Việt Nam,...

Foreign Portfolio Investment								
Equity		Currency: USD						
Country		Daily	Weekly	MTD	QTD	YTD	12M	YOY Lvl
Asia		Mln	Mln	Mln	Mln	Mln	Mln	Mln
China	31/12/2024			-5,686.03	-42,550.14	9,649.49	19,065.22	
India	06/02/2025	-410.50	-840.36	-840.36	-9,258.42	-9,258.42	-6,292.10	-28,265.00
Indonesia	07/02/2025	-31.46	-233.08	-233.08	-462.36	-462.36	-99.91	-370.46
Malaysia	06/02/2025	-6.10	-59.00	-59.00	-760.70	-760.70	-1,935.00	-1,816.10
Philippines	07/02/2025	6.94	28.32	28.32	-85.66	-85.66	-624.15	213.92
Thailand	07/02/2025	30.49	73.95	73.95	-256.33	-256.33	-3,608.55	2,631.68
Vietnam	07/02/2025	-14.79	-168.51	-168.51	-423.32	-423.32	-3,238.19	-2,667.56
Taiwan	07/02/2025	648.56	-773.50	-773.50	-2,034.98	-2,034.98	-24,231.10	-26,528.90
S.Korea	07/02/2025	-168.87	-210.22	-210.22	-1,212.40	-1,212.40	-4,627.80	-13,132.90
Japan	31/01/2025		-2,031.07	3,888.10	3,888.07	3,888.10	-13,714.40	-59,948.60
Sri Lanka	07/02/2025	-0.30	-2.40	-2.40	-24.15	-24.10	-47.80	-41.02
EMA								
Euro Area	30/11/2024			49,231.10	84,414.00	349,059.90	387,156.00	284,972.40
Germany	30/11/2024			-1,469.05	-4,097.87	-7,344.95	-4,768.89	14,151.03
France	30/11/2024			802.00	1,957.00	32,976.00	41,562.00	52,573.00
Americas								
United State	30/11/2024			114,741.00	106,421.00	269,961.00	289,892.00	240,040.00
Canada	30/11/2024			833.25	-5,918.31	833.25	-6,045.82	31,080.60
Brazil	05/02/2025	38.70	-66.86	-66.86	1,091.23	1,091.23	-3,144.43	-7,482.32

# Cập nhật vĩ mô Việt Nam tháng 1/2025

- Sản xuất giảm do trùng kỳ nghỉ Tết và số lượng đơn đặt hàng mới đã giảm lần đầu tiên trong bốn tháng

---

- Xuất nhập khẩu đầu năm đều giảm so với cùng kỳ

---

- Du lịch là điểm sáng do kỳ nghỉ Tết kéo dài, thúc đẩy bán lẻ tiêu dùng tăng cao trong tháng đầu tiên trong năm

---

- Chính phủ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công trong năm cuối của kế hoạch trung hạn 2021-2025

---

- Lạm phát trong tháng gia tăng do nhu cầu tiêu dùng dịp Tết tăng cao

---

# CẬP NHẬT VĨ MÔ VIỆT NAM T1/2025

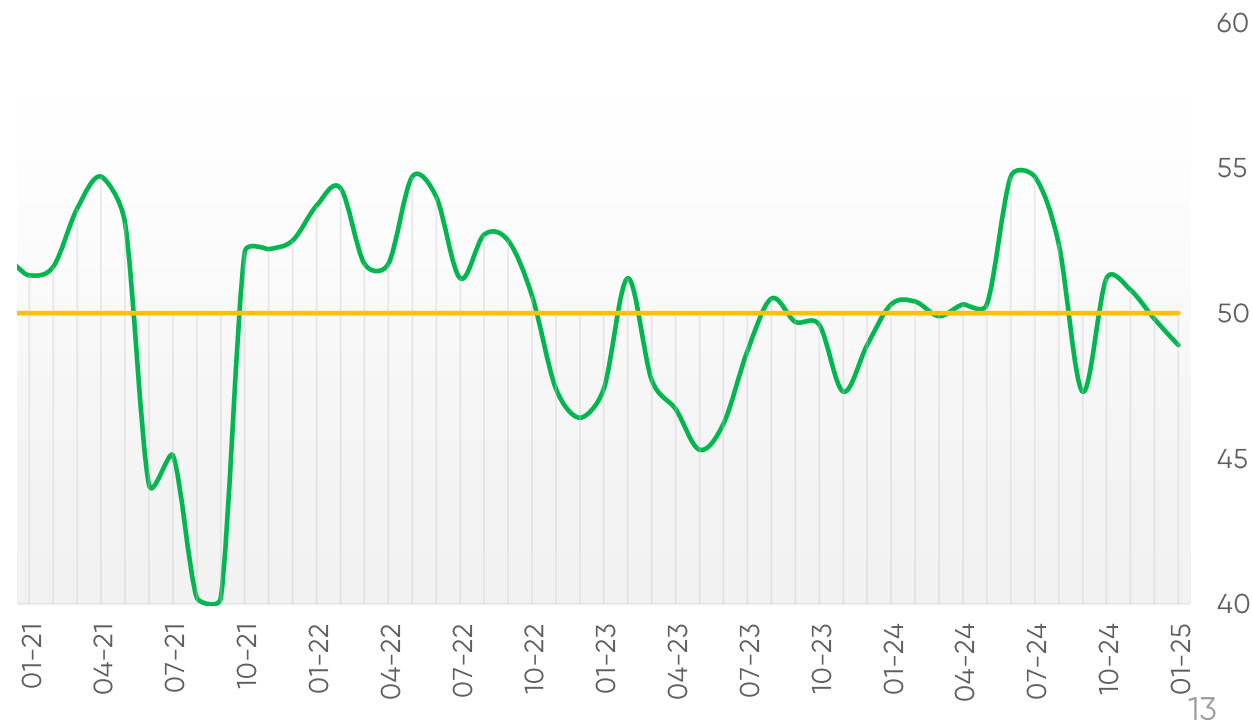
## Sản xuất giảm do trùng kỳ nghỉ Tết và số lượng đơn đặt hàng mới đã giảm lần đầu tiên trong bốn tháng

- Tết Nguyên đán Ất Ty diễn ra trong tháng Một năm 2025 nên số ngày làm việc ít hơn so với tháng trước và cùng kỳ năm trước. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2025 ước tính giảm 9,2% so với tháng trước và tăng 0,6% svck, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,6%.
- Chỉ số Nhà quản trị mua hàng ngành sản xuất Việt Nam đạt kết quả 48,9 điểm trong tháng 01/2025, giảm so với 49,8 điểm của tháng 12/2024 và nằm dưới ngưỡng 50 điểm tháng thứ hai liên tiếp. Các điều kiện kinh doanh của ngành sản xuất của Việt Nam xấu đi trong tháng đầu năm 2025 trong bối cảnh cả sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới đều giảm trở lại. Các công ty đã ứng phó với khối lượng công việc giảm bằng cách cắt giảm việc làm và giảm lượng tồn kho cả hàng mua và hàng thành phẩm. Số lượng nhân sự được ghi nhận giảm tháng thứ tư liên tiếp, đồng thời tốc độ giảm việc làm là mạnh và đáng kể nhất kể từ tháng 5 năm ngoái. Trong khi đó, tốc độ tăng chi phí đầu vào đã chậm lại, tạo cơ hội cho các công ty giảm giá bán hàng trong những nỗ lực kích thích nhu cầu. Giá cả đầu ra đã giảm lần đầu tiên trong chín tháng, mặc dù mức giảm chỉ là nhẹ.

### Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP (Hàng tháng, %svck)



### Chỉ số sản xuất PMI Việt Nam

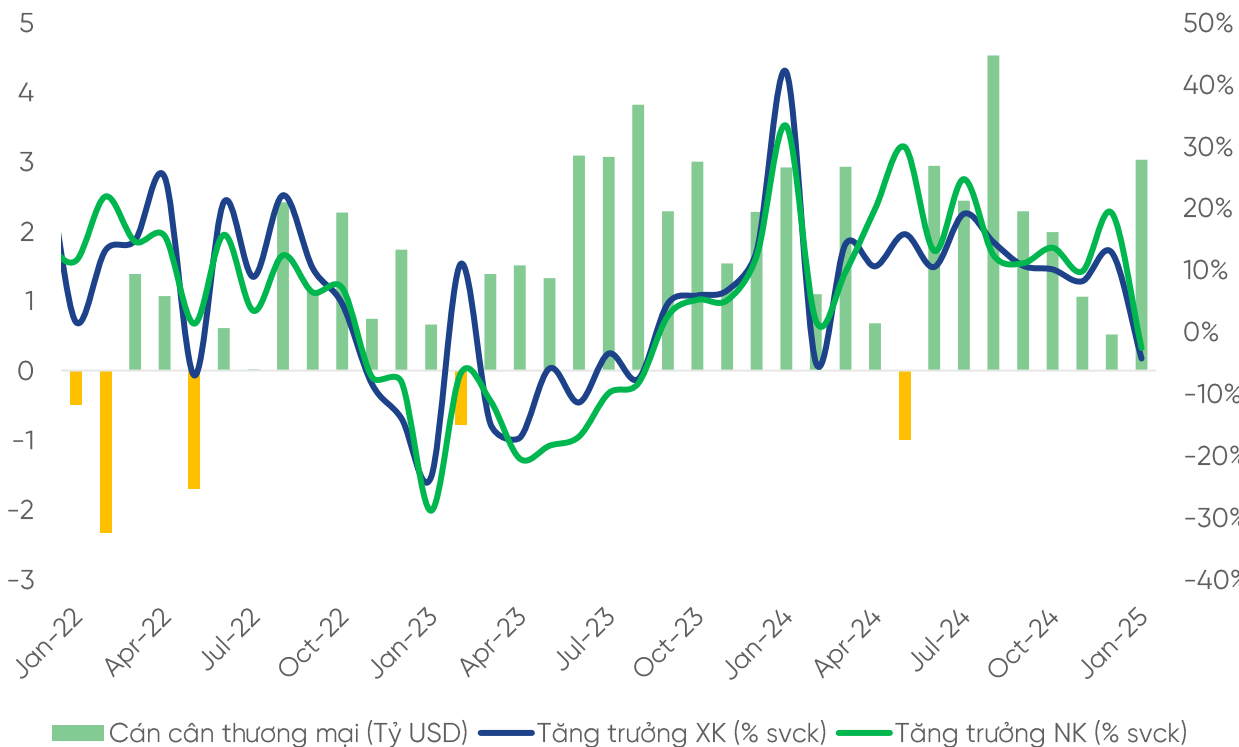


# CẬP NHẬT VĨ MÔ VIỆT NAM T1/2025

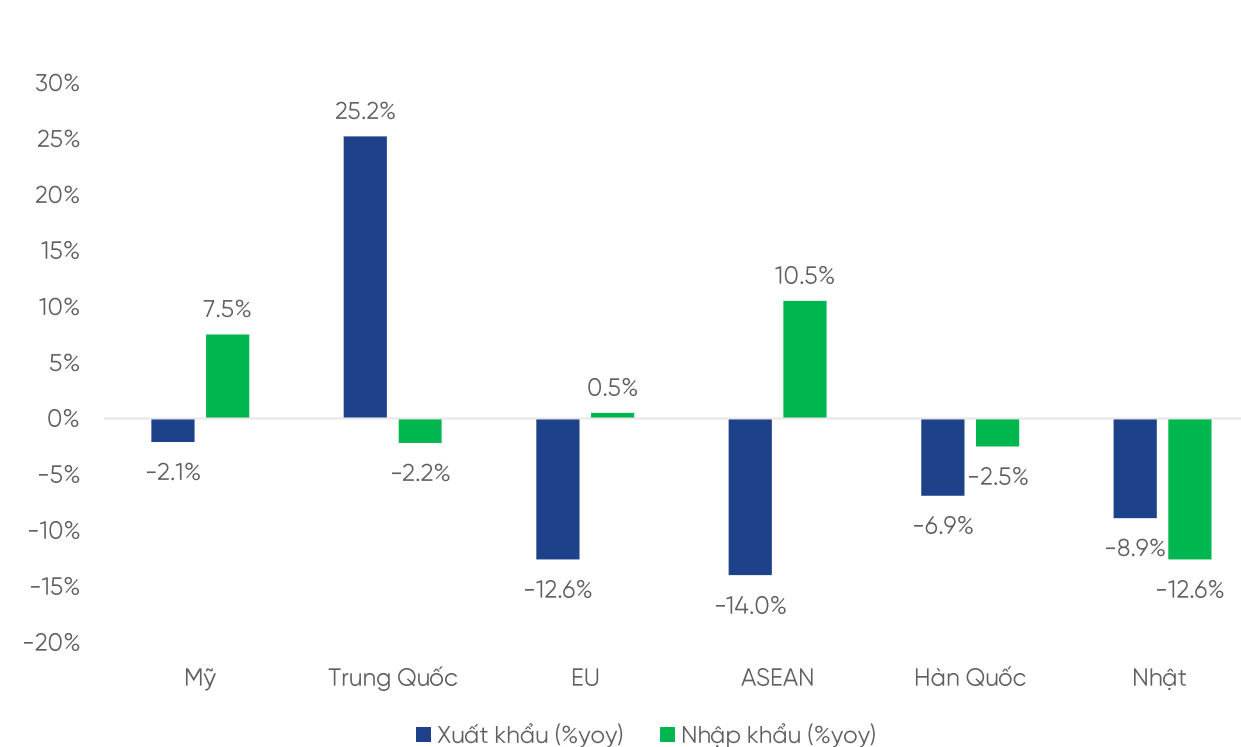
## Xuất nhập khẩu đầu năm đều giảm so với cùng kỳ

- Xuất khẩu tháng 01/2025 ước đạt 33,09 tỷ USD, giảm 4,3% svck và nhập khẩu ước đạt 30,06 tỷ USD, giảm 2,6% svck.** Cán cân thương mại hàng hóa tiếp tục xuất siêu 3,03 tỷ USD. Tháng đầu năm có 7 nhóm hàng xuất khẩu đạt kim ngạch từ 1 tỷ USD trở lên. Dẫn đầu là điện tử, máy tính và linh kiện với hơn 6 tỷ USD (+13,3% svck). Điện thoại các loại và linh kiện đứng thứ hai với kim ngạch 4,83 tỷ USD (-13,2% svck). Trong khi đó, đứng thứ ba là máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng với 3,86 tỷ USD (-4% svck). Các nhóm hàng tỷ đô còn lại là dệt may; giày dép; gỗ và sản phẩm gỗ; phương tiện vận tải và phụ tùng. Trong 4 nhóm hàng này, chỉ dệt may tăng trưởng nhẹ 1,8% svck, các nhóm hàng còn lại có kim ngạch giảm.
- Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa tháng 1 năm 2025, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam** với kim ngạch ước đạt 9,8 tỷ USD (-2,1% svck). Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 11,6 tỷ USD (-2,2% svck).

### Diễn biến kim ngạch XNK (Tỷ USD)



### Tăng trưởng các thị trường XNK trong 1T 2025

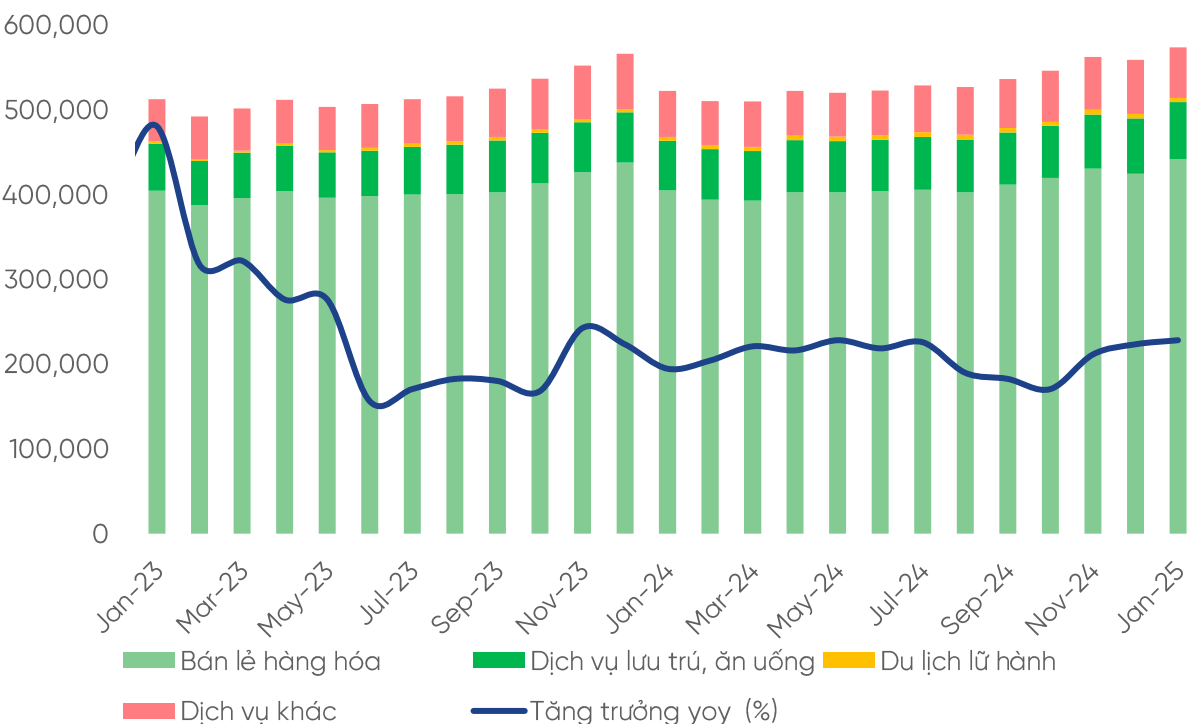


# CẬP NHẬT VĨ MÔ VIỆT NAM T1/2025

## Du lịch là điểm sáng do kỳ nghỉ Tết kéo dài, thúc đẩy bán lẻ tiêu dùng tăng cao trong tháng đầu tiên trong năm

- **Nhu cầu tiêu dùng nội địa tăng cao trong dịp Tết Nguyên đán cùng với sự phục hồi mạnh mẽ của du lịch đã góp phần tích cực vào tăng trưởng của ngành thương mại dịch vụ.** Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 01/2025 ước tính tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 9,5% svck, nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,6%. Trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống tăng 14,8% và doanh thu du lịch lữ hành tăng 17,3%.
- **Chính sách thị thực thuận lợi, các chương trình quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh cùng với những giải thưởng du lịch danh giá được các tổ chức quốc tế trao tặng đã thu hút khách quốc tế đến Việt Nam tăng cao trong tháng đầu năm 2025.** Trong tháng 01/2025, khách quốc tế đến nước ta đạt gần 2,1 triệu lượt người, tăng 18,5% so với tháng trước và tăng 36,9% svck.

### Tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ



### Du lịch lữ hành (Nghìn người)



# CẬP NHẬT VĨ MÔ VIỆT NAM T1/2025

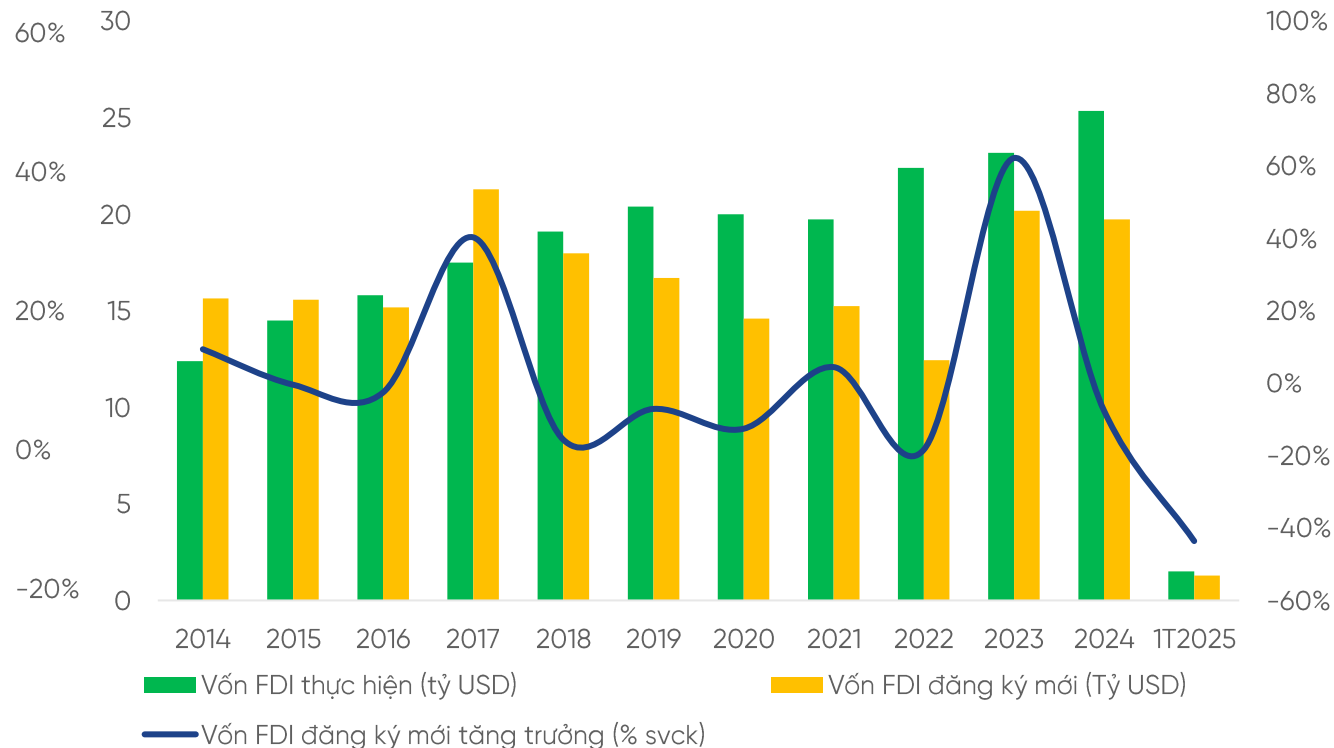
## Chính phủ đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công trong năm cuối của kế hoạch trung hạn 2021-2025

- Hoạt động đầu tư trong tháng Một tập trung chủ yếu vào việc phân khai kế hoạch vốn năm 2025, các công trình mới được bố trí vốn đang trong thời gian chuẩn bị hoàn tất các thủ tục, hồ sơ chuẩn bị đầu tư nên khối lượng thực hiện chủ yếu tại các công trình chuyển tiếp. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 01/2025 ước đạt 35,4 nghìn tỷ đồng, bằng 4,1% kế hoạch năm và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 bằng 4,1% và tăng 16,9%).
- Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam tháng 01/2025, ước đạt 1,51 tỷ USD, tăng 2,0% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 1,26 tỷ USD, chiếm 83,2% tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện; sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 72,6 triệu USD, chiếm 4,8%; hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 72,5 triệu USD, chiếm 4,7%.

### Vốn đầu tư công giải ngân hàng tháng



### Vốn đầu tư FDI tại Việt Nam



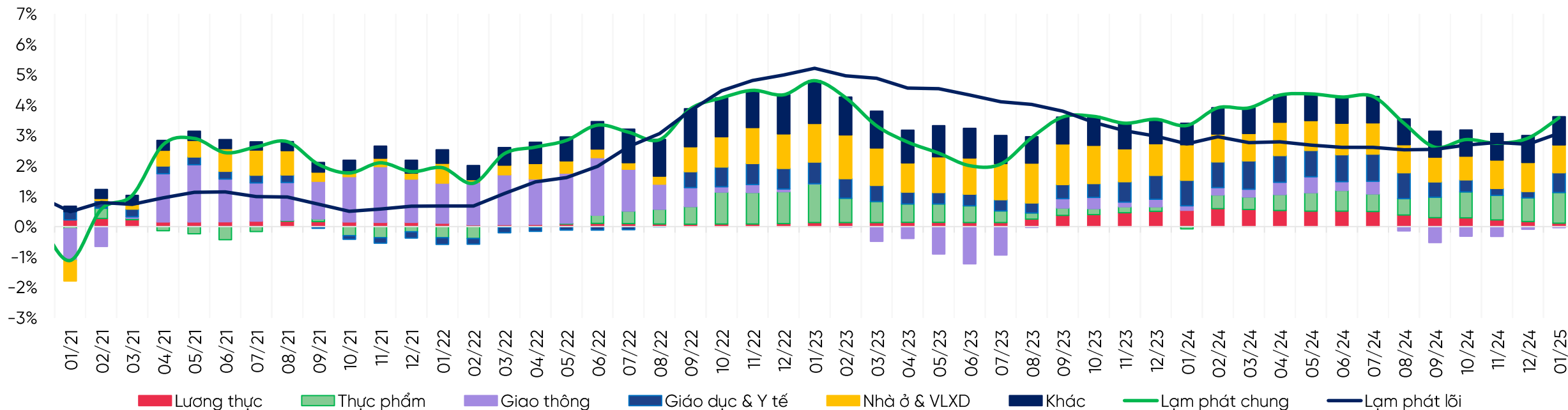


# CẬP NHẬT VĨ MÔ VIỆT NAM T1/2025

## Lạm phát trong tháng gia tăng do nhu cầu tiêu dùng dịp Tết tăng cao

- Một số địa phương thực hiện điều chỉnh giá dịch vụ y tế theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT, giá dịch vụ giao thông, thực phẩm tăng do nhu cầu đi lại và mua sắm của người dân tăng trong dịp Tết Nguyên đán Ất Ty là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2025 tăng 0,98% so với tháng trước. Đáng chú ý, chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 9,47% so với tháng trước. Chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 12,57% do một số địa phương triển khai áp dụng giá dịch vụ y tế mới theo Thông tư số 21/2024/TT-BYT ngày 17/10/2024 của Bộ Y tế quy định phương pháp định giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Bên cạnh đó, thời tiết chuyển sang mùa đông, nhiệt độ chênh lệch nhiều giữa ban ngày và ban đêm nên bệnh cả cúm, đường hô hấp gia tăng, nhu cầu tiêu dùng các loại thuốc về giảm đau, hạ sốt, đường hô hấp, vitamin và khoáng chất của người dân tăng.
- So với cùng kỳ năm trước, CPI tháng 01/2025 tăng 3,63%. Nguyên nhân chính đẩy chỉ số CPI tăng trưởng do nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,42%, trong đó giá nhóm lương thực tăng 3,11%; thực phẩm tăng 4,83%; ăn uống ngoài gia đình tăng 3,98%. Ngoài ra, nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 4,95% và nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng cao nhất với 14,14%.

### Đóng góp các nhóm hàng vào tăng trưởng CPI hàng tháng



# Diễn biến TTCK Việt Nam

---

- Chỉ số VN-Index ghi nhận tuần tăng điểm thứ 3 liên tiếp hướng tới vùng kháng cự 1.280 – 1.300 điểm.
  - Thanh khoản trung bình toàn thị trường tăng mạnh trở lại trong tuần giao dịch sau nghỉ lễ.
  - NĐTNN bán ròng mạnh trong tuần đầu sau nghỉ lễ.
  - **Dự báo xu hướng:** Trong kịch bản lạc quan, Chỉ số VN-Index tiếp tục nhịp hồi phục kỹ thuật kiểm nghiệm kháng cự 1.283 – 1.290 điểm tuy nhiên có khả năng xuất hiện các nhịp rung lắc trước khi vượt qua và hướng tới mốc 1.300+/- điểm.
- 

## Chiến lược đầu tư:

- Đối với NĐT ngắn hạn tiếp tục ưu tiên nắm giữ và chờ chốt lời ngắn hạn với các nhóm Ngành mạnh như Ngân hàng, Logistic, Đầu tư công, Khai khoáng... khi giá nhiều cổ phiếu đang tiến tới các vùng kháng cự kỹ thuật mạnh. Ngược lại, NĐT có thể tìm cơ hội ở các Ngành có điểm mua tốt đối với nhiều nhóm Ngành đã thiết lập đáy kỹ thuật và đang trong quá trình hồi phục...

## Toàn cảnh thông tin tác động đến TTCK Việt Nam trong tuần qua

### Tin vĩ mô:

- **Tỷ giá trung tâm trong nước tuần qua tăng vượt đỉnh.** Tỷ giá trung tâm của NHNN ngày 07/02/2025 ở mức 24.462 đồng/USD tăng 137 đồng so với trước kỳ nghỉ Tết cao nhất từ trước đến nay. Trong khi đó, tỷ giá USD/VND liên ngân hàng chỉ tăng 220 đồng lên mức 25.285 đồng/USD vẫn cách xa mốc 25.450 đồng/USD cần NHNN can thiệp.
- **Tăng trưởng tín dụng hơn 2% thì mới có được 1% tăng trưởng GDP.** Theo Phó thống đốc Đào Minh Tú, năm nay Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 8% thì NHNN đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 16% và nếu tăng trưởng GDP đạt 10% thì tín dụng có thể sẽ tăng 18 - 20%.
- **Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 01/2025 tăng 0,98% so với tháng trước.** So với cùng kỳ năm 2024, CPI tháng Một tăng 3,63%; lạm phát cơ bản tháng 01/2025 tăng 3,07%. Chỉ số giá vàng tháng 01/2025 tăng 1,03% so với tháng trước; tăng 29,13% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 01/2025 tăng 0,21% so với tháng trước; tăng 3,98% so với cùng kỳ năm trước.
- **Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng theo giá hiện hành tháng 1/2025 ước đạt 573,3 nghìn tỷ đồng.** Con số này tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 9,5% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2024 tăng 8,0%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 6,6% (cùng kỳ năm 2024 tăng 5,6%).
- **Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 3,03 tỷ USD trong tháng 1/2025.** Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa đạt 63,15 tỷ USD, giảm 10,5% so với tháng trước và giảm 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó xuất khẩu giảm 4,3%; nhập khẩu giảm 2,6%.
- **Chính phủ trình Quốc hội kỳ họp bất thường tháng 2 cho ý kiến về việc điều chỉnh chỉ tiêu GDP và CPI.** Cụ thể, GDP đạt 8% trở lên; CPI bình quân khoảng 4,5-5%, trong kế hoạch năm 2025. Chỉ tiêu kế hoạch đã được thông qua trước đó là tăng trưởng GDP khoảng 6,5-7% và phần đầu khoảng 7-7,5%. Tốc độ tăng CPI bình quân khoảng 4,5%.
- **Chỉ số PMI ngành sản xuất Việt Nam chỉ đạt 48,9 điểm trong tháng 1, giảm so với mức 49,8 điểm của tháng 12/2024.** Đây cũng là tháng thứ hai liên tiếp chỉ số PMI của Việt Nam nằm dưới ngưỡng trung bình. Số lượng đơn đặt hàng mới ghi nhận giảm lần đầu tiên trong vòng bốn tháng trở lại đây do nhu cầu khách hàng giảm. Đây cũng có thể là hệ quả của việc khách hàng tăng đặt hàng vào các tháng trước để đề phòng chính sách thuế mới của Mỹ.
- **Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) tháng 01/2025 ước tính giảm 9,2% so với tháng trước và tăng 0,6% so với cùng kỳ năm trước.** Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/01/2025 tăng 0,2% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 4,5% so với cùng thời điểm năm trước.
- **Tổng thu ngân sách Nhà nước:** Ước đạt 275,9 nghìn tỷ đồng, bằng 14,0% dự toán năm và tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi ngân sách Nhà nước: Ước đạt 134,4 nghìn tỷ đồng, bằng 5,3% dự toán năm và tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước.
- **Vốn đầu tư công tháng 01/2025 ước đạt 35,4 nghìn tỷ đồng, bằng 4,1% kế hoạch năm và tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước.** Bộ Tài chính cho biết tỷ lệ giải ngân đầu tư công ước 13 tháng kế hoạch (từ đầu năm 2024 đến hết tháng 1/2025) đạt 84,47%, đạt 93,06% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (cùng kỳ năm 2023 đạt 82,47% kế hoạch và đạt 93,12% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao). Ước giải ngân 13 tháng vốn ngân sách trung ương đạt tỷ lệ cao hơn cùng kỳ năm 2023, tuy nhiên vốn ngân sách địa phương giải ngân còn thấp.
- **Thủ tướng giao Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) làm chủ đầu tư Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 1, Tập đoàn Công nghiệp năng lượng Quốc gia (PVN) làm chủ đầu tư Nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận 2.** Thời gian hoàn thành dự án chậm nhất tới 31/12/2031 và phần đầu hoàn thành trước 31/12/2030
- **Khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 1/2025 tăng +36,9% so với cùng kỳ năm trước.** Du khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 1/2025 đạt gần 2,1 triệu lượt người, tăng 18,5% so với tháng trước và tăng 36,9% so với cùng kỳ năm trước.

## Toàn cảnh thông tin tác động đến TTCK Việt Nam trong tuần qua

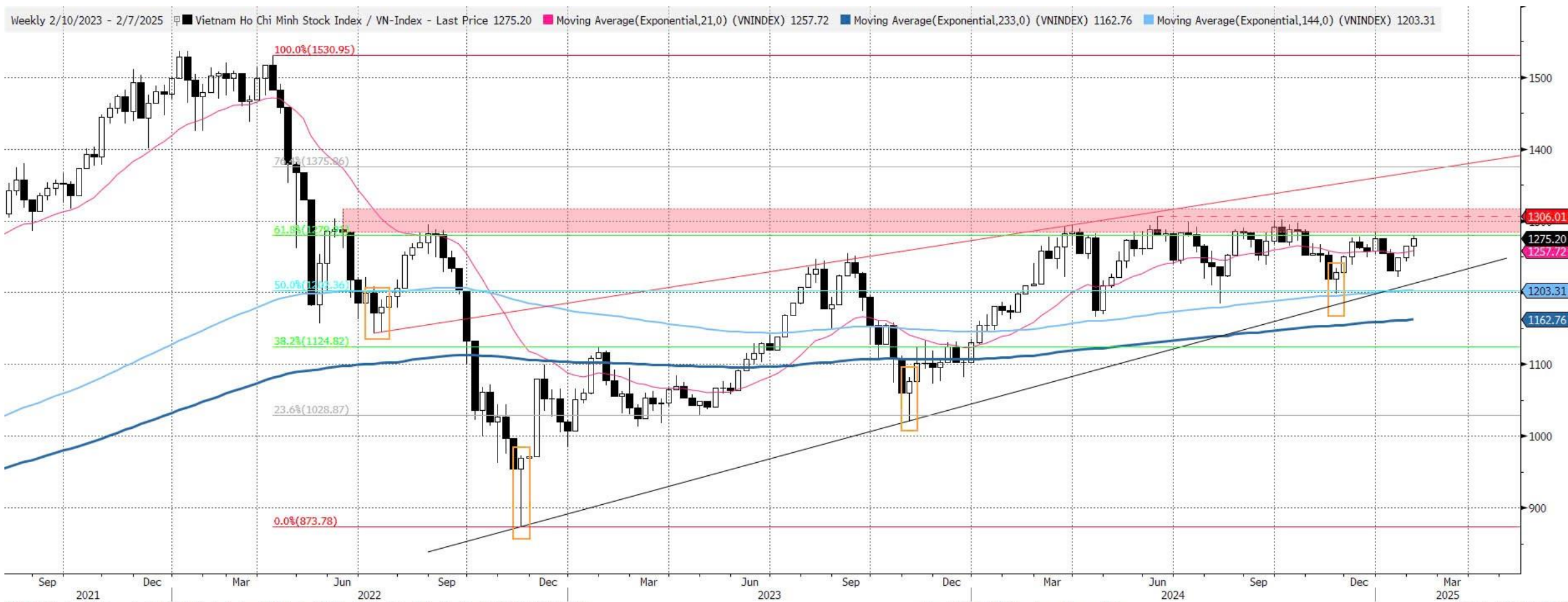
### Tin doanh nghiệp niêm yết:

- **MBB:** Tổng Giám đốc Ngân hàng Quân đội cho biết tổng tài sản của ngân hàng tính đến cuối năm 2024 ước đạt 1 triệu tỷ đồng, tăng hơn 18% so với đầu năm. Tăng trưởng tín dụng đạt 25%, vượt mốc 760.000 tỷ đồng. Huy động tăng trưởng 18%, ghi nhận mức hơn 800.000 tỷ đồng. Đồng thời, tỷ lệ bao phủ nợ xấu lên đến 112%. Theo đó, ước tính lợi nhuận của Ngân hàng Quân đội trong năm 2024 tăng 12% so với năm 2023, đạt 27.600 tỷ đồng.
- **DGW:** Quý IV/2024, Digiworld đạt doanh thu thuần 5.859 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 140 tỷ, tăng lần lượt 21% và 57% so với cùng kỳ năm ngoái. Lợi nhuận này của Digiworld đạt cao nhất kể từ đầu quý I/2023. Lũy kế cả năm 2024, tổng doanh thu của Digiworld đạt 22.078 tỷ đồng, lãi sau thuế gần 448 tỷ, tăng lần lượt 17% và 25% so với năm trước đó.
- **KBC:** Tổng Công ty Phát triển Đô thị Kinh Bắc vừa công bố kết quả kinh doanh quý 4/2024 với doanh thu đạt 781 tỷ đồng, giảm nhẹ so với cùng kỳ năm ngoái. Dù lãi gộp vẫn giữ nguyên nhưng KBC ghi nhận quản lý khác 170 tỷ đồng nên LNST giảm 61% xuống 62 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2024, Kinh Bắc ghi nhận doanh thu thuần 2.775,8 tỷ đồng, giảm 51% so với năm 2023. Lãi sau thuế đạt 459,9 tỷ đồng, giảm tới 80%.
- **VNM:** Doanh thu hợp nhất Quý IV/2024 của Vinamilk đạt 15.485 tỷ đồng, xấp xỉ so với cùng kỳ nhưng biên lợi nhuận gộp giảm so với cùng kỳ xuống 40,1%. Lợi nhuận sau thuế đạt 2.146 tỷ đồng giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lợi nhuận sau thuế cả năm 2024 vẫn đạt 9.453 tỷ đồng tăng 5,8% so với năm 2023.
- **VHC:** Quý 4 năm 2024, Vĩnh Hoàn ghi nhận doanh thu thuần đạt 3.205 tỷ đồng, tăng 34% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận đạt 440 tỷ đồng, gấp 4,8 lần cùng kỳ năm trước. Lũy kế năm 2024, Vĩnh Hoàn ghi nhận doanh thu đạt 12.535 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 1.310 tỷ đồng; tăng lần lượt 25% và 34% so với cùng kỳ năm 2023.
- **DPM:** Quý 4/2024, Đạm Phú Mỹ đạt 36,13 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, giảm 61,76% so với cùng kỳ. Tuy nhiên, lũy kế cả năm 2024, lợi nhuận sau thuế của DPM vẫn đạt 574 tỷ đồng tăng nhẹ 1%.
- **POW:** BCTC hợp nhất quý 4/2024 ghi nhận doanh thu thuần đạt 8.494 tỷ đồng, tăng 25% so với cùng kỳ năm ngoái. Nhờ ghi nhận khoản thu 1.084 tỷ đồng từ bồi thường bảo hiểm liên quan đến sự cố Nhiệt điện Vũng Áng 1 nên lợi nhuận sau thuế vẫn đạt 235 tỷ đồng. Lũy kế cả năm 2024, POW mang về 30.180 tỷ đồng doanh thu thuần và 1.346 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế, lần lượt tăng trưởng 7% và 5% so với cùng kỳ năm ngoái.
- **CTD:** BCTC quý 2/2025 (từ 1/10-31/12/2024), Coteccons ghi nhận doanh thu đạt 6.886 tỷ đồng, tăng 22% so với cùng kỳ. Lợi nhuận sau thuế đạt 106 tỷ đồng - tăng 54% so với quý 2/2024. Lũy kế 6 tháng năm tài chính 2025, doanh thu đạt 11.645 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ, hoàn thành 47% kế hoạch. Lợi nhuận gộp đạt 407 tỷ - tăng 51%; Lợi nhuận sau thuế đạt 199 tỷ, tăng 47% và hoàn thành 46% kế hoạch.
- **HHV:** Quý 4/2024, CTCP Đầu tư Hạ tầng giao thông Đèo Cả ghi nhận doanh thu hơn 1.000 tỷ, tăng 17% so với cùng kỳ. Khấu trừ các chi phí, HHV thu về lãi sau thuế 106 tỷ đồng, gấp đôi cùng kỳ năm 2023. Lũy kế cả năm 2024, Công ty ghi nhận doanh thu 3.308 tỷ đồng, tăng hơn 23%, lợi nhuận sau thuế đạt 473 tỷ đồng, tăng gần 30% so với năm 2023.
- **GVR:** Quý IV/2024, Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam ghi nhận doanh thu thuần hơn 9.300 tỷ đồng, tăng trưởng 23%, lợi nhuận sau thuế gần 2.400 tỷ đồng. Cao su vẫn là mảng kinh doanh cốt lõi khi đóng góp hơn 7.500 tỷ đồng doanh thu. Tính chung cả năm, Tập đoàn Cao su báo cáo doanh thu 26.254 tỷ đồng, tăng 19% so với năm liền trước. Lợi nhuận sau thuế thuộc về cổ đông công ty mẹ ở mức 4.213 tỷ đồng, tăng 61%.
- **HAH:** Quý IV/2024, HAH ghi nhận doanh thu thuần tăng mạnh 82% lên trên 1.200 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 418 tỷ đồng, gấp hơn 6 lần cùng kỳ. Doanh thu cả năm theo xấp xỉ 4.000 tỷ đồng, tăng 53% so với cùng kỳ và vượt kỷ lục 3.200 tỷ đồng năm 2022. Lợi nhuận sau thuế cũng tăng vọt lên hơn 800 tỷ đồng, cao hơn 124% so với năm liền trước.

# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

## Chỉ số VN-Index ghi nhận tuần tăng điểm thứ 3 liên tiếp hướng tới vùng kháng cự Fibonacci Retracement 50% tại 1.280 điểm

- Chỉ số VN-Index ghi nhận tuần tăng điểm tích cực sau nghỉ lễ và là tuần tăng điểm thứ 3 liên tiếp đưa chỉ số tiệm cận sát vùng kháng cự Fibonacci Retracement 50% tại 1.280 điểm. Đà phục hồi của chỉ số diễn ra sau khi thị trường phản ứng trước thông tin Mỹ hoãn ban hành chính sách thuế với Canada và Mexico. Tín hiệu phục hồi tích cực diễn ra khá rõ ở các nhóm Ngành lớn như Ngân hàng, Chứng khoán, BĐS và Đầu tư công và nhận được sự hưởng ứng và tham gia của dòng tiền khi thanh khoản tăng tích cực trở lại so với tuần trước nghỉ Tết nguyên đán. Bên cạnh đó, KQKD Q4 của hầu hết các doanh nghiệp ghi nhận đà phục hồi tích cực với mức tăng trưởng chung toàn thị trường ghi nhận mốc 22,3% YoY cũng là một thông tin hỗ trợ quan trọng nhất là đưa định giá hiện tại đang trở về vùng hấp dẫn. Về kỹ thuật, chỉ số VN-Index đang trên đà phục hồi và hướng tới kiểm nghiệm vùng cản mạnh 1.280 – 1.300 điểm trong tuần tới.



# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

## Chỉ số VN-Index có thể gặp rung lắc ở các vùng cản gần như 1.270 – 1.283 điểm

- Xu hướng ngắn hạn, VN-Index đang cho thấy dấu hiệu của một xu hướng sideway trong biên rộng với các đỉnh và đáy chưa có sự thay đổi lớn. Đà phục hồi trong tuần qua đưa chỉ số tiến gần hơn với vùng kháng cự 1.283 – 1.290 điểm với thanh khoản đã tăng trở lại cho thấy dòng tiền tham gia đã tích cực hơn. Tuy nhiên điểm trừ đó là NĐTNN vẫn đang bán ròng khá mạnh do đó kết hợp với vùng kháng cự trung hạn tại 1.300 điểm có thể sẽ khiến chỉ số chịu áp lực rung lắc chốt lời ngắn hạn. Trong đó, RSI vẫn tiếp tục tín hiệu tăng tích cực ủng hộ xu hướng ngắn hạn, tuy nhiên Stochastic cũng đang vào vùng quá mua do đó tín hiệu rung lắc có thể diễn ra rõ hơn trong một vài phiên tới.

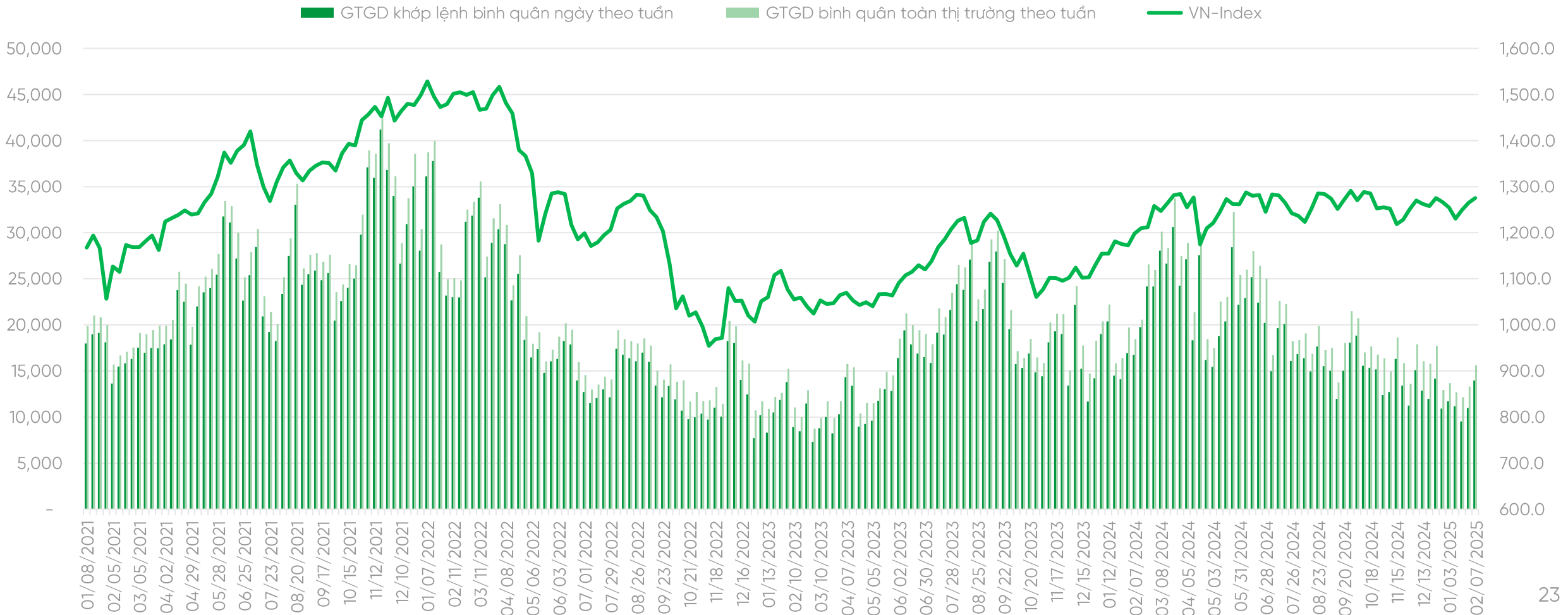


# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

## Thanh khoản trung bình toàn thị trường tăng mạnh trở lại trong tuần giao dịch sau nghỉ lễ

- Với diễn biến phục hồi tích cực trở lại của thị trường trong thời điểm trước và sau nghỉ lễ Tết Nguyên đán, thanh khoản đã có dấu hiệu tăng tích cực trở lại ở cả thanh khoản chung toàn thị trường và riêng khớp lệnh. Tổng thanh khoản trung bình toàn thị trường lũy kế từ đầu tuần đạt 15.622 tỷ đồng tăng 17% so với tuần trước, riêng thanh khoản khớp lệnh đạt 14.959 tỷ đồng tăng 27%. Do đó, nếu thanh khoản tiếp tục phục hồi tích cực trong giai đoạn tới có thể hứa hẹn giúp chỉ số giữ vững xu hướng tăng và hướng tới các vùng kháng cự tiếp theo.

### Giá trị giao dịch trên toàn thị trường

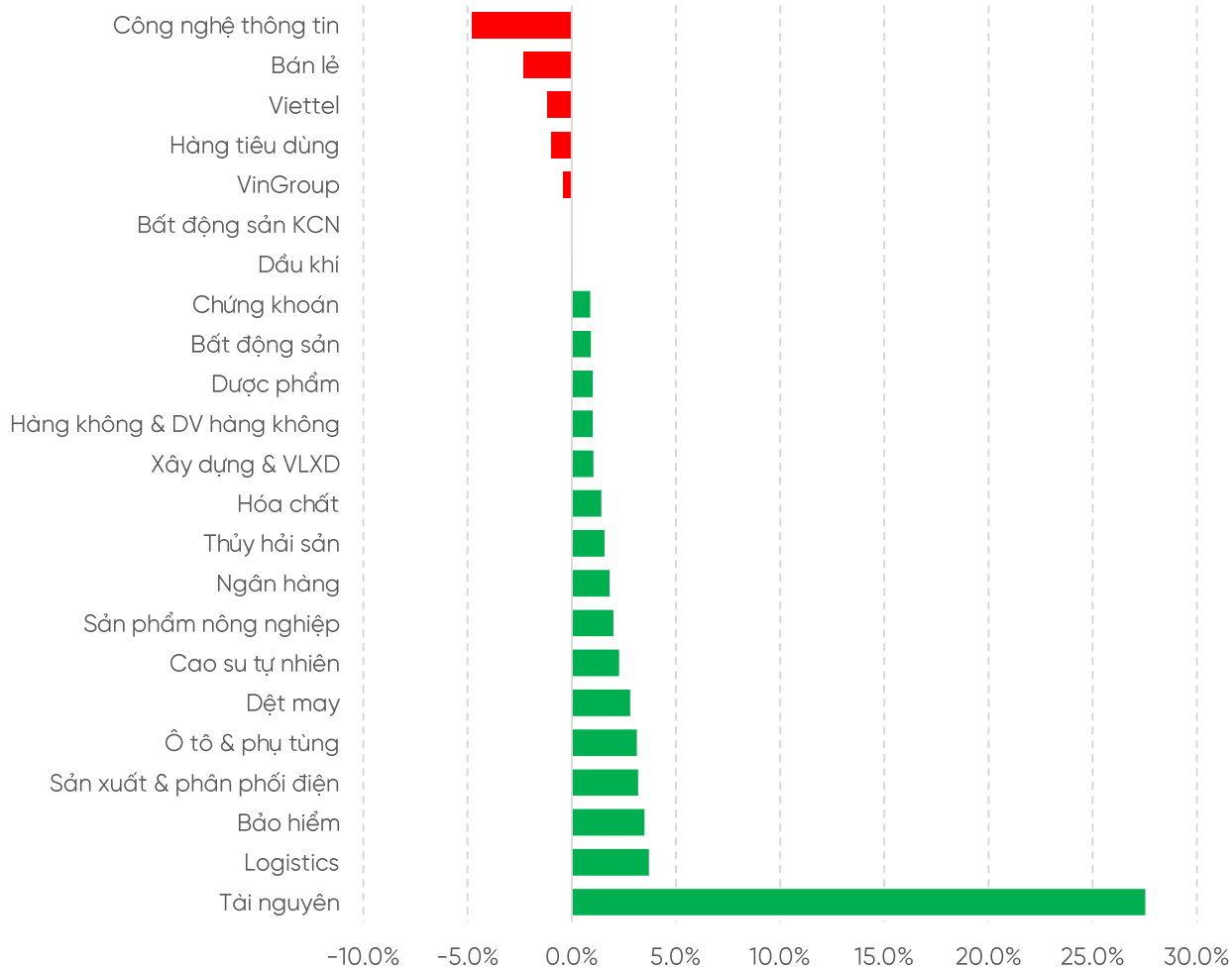


# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

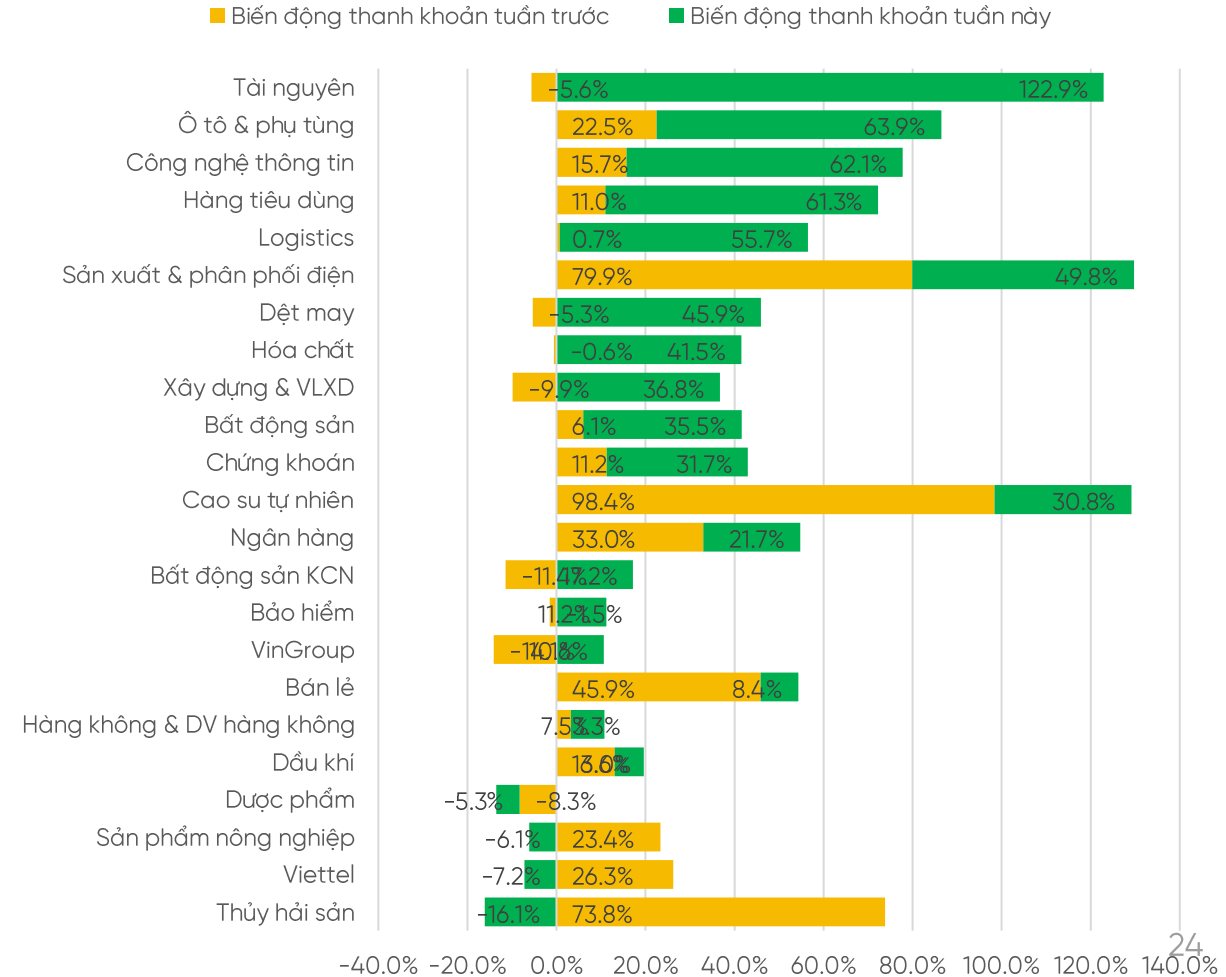
## Đa phần các nhóm Ngành đều phục hồi tích cực trở lại theo diễn biến của chỉ số

- Với diễn biến phục hồi tích cực của chỉ số VN-Index trong tuần vừa qua, nhiều nhóm Ngành đã phục hồi tích cực trở lại dẫn đầu là: Tài nguyên, Logistic, Bảo hiểm, Điện, Ô tô phụ tùng, Ngân hàng.... Thanh khoản của nhiều nhóm Ngành phục hồi rõ nét so với tuần trước nghỉ lễ, chỉ một số nhóm Ngành có thanh khoản tăng tích cực như: Tài nguyên, Ô tô & phụ tùng, CNTT, Hàng tiêu dùng, Logistic, Điện,...

### Hiệu suất theo nhóm ngành (theo tuần)



### Biến động thanh khoản theo nhóm Ngành (theo tuần)

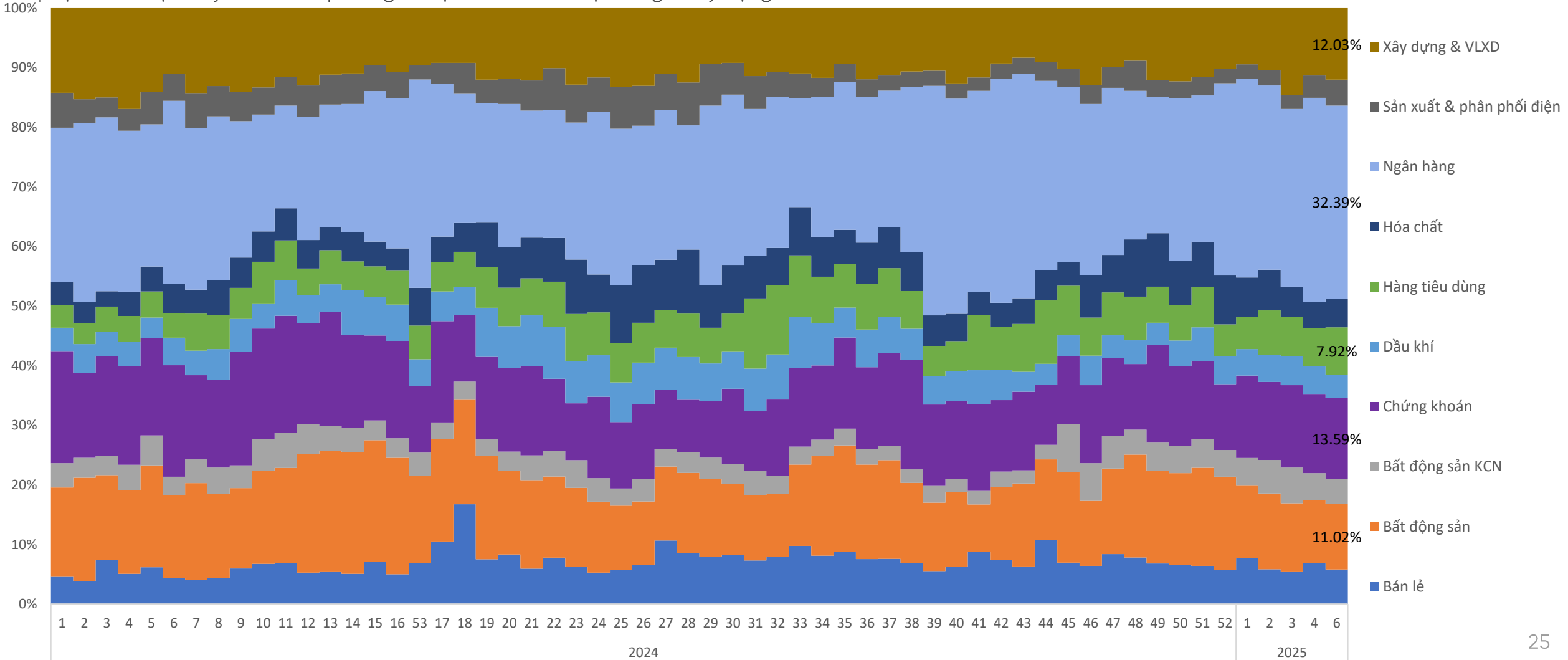




# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

## Cơ cấu dòng tiền theo nhóm Ngành:

- Nhìn về cơ cấu dòng tiền, Ngân hàng vẫn là nhóm Ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất toàn thị trường trong thời điểm hiện tại khi chiếm tới 32,39% và duy trì cao trong cơ cấu dòng tiền toàn thị trường. Nhóm Ngành chứng khoán có dấu hiệu thanh khoản tăng trở lại so với tuần trước giữ vị trí thứ 2 với tỷ trọng 13,59%. Dòng tiền vào nhóm Đầu tư công gia tăng do đó tỷ trọng của nhóm Ngành Xây dựng & VLXD, tăng cao so với tuần trước đó với vị trí thứ 3 với 12%. Nhóm Ngành BĐS có dấu hiệu phục hồi và tạo đáy ở nhiều cổ phiếu giữ ở vị trí thứ 4 toàn thị trường với tỷ trọng 11%.

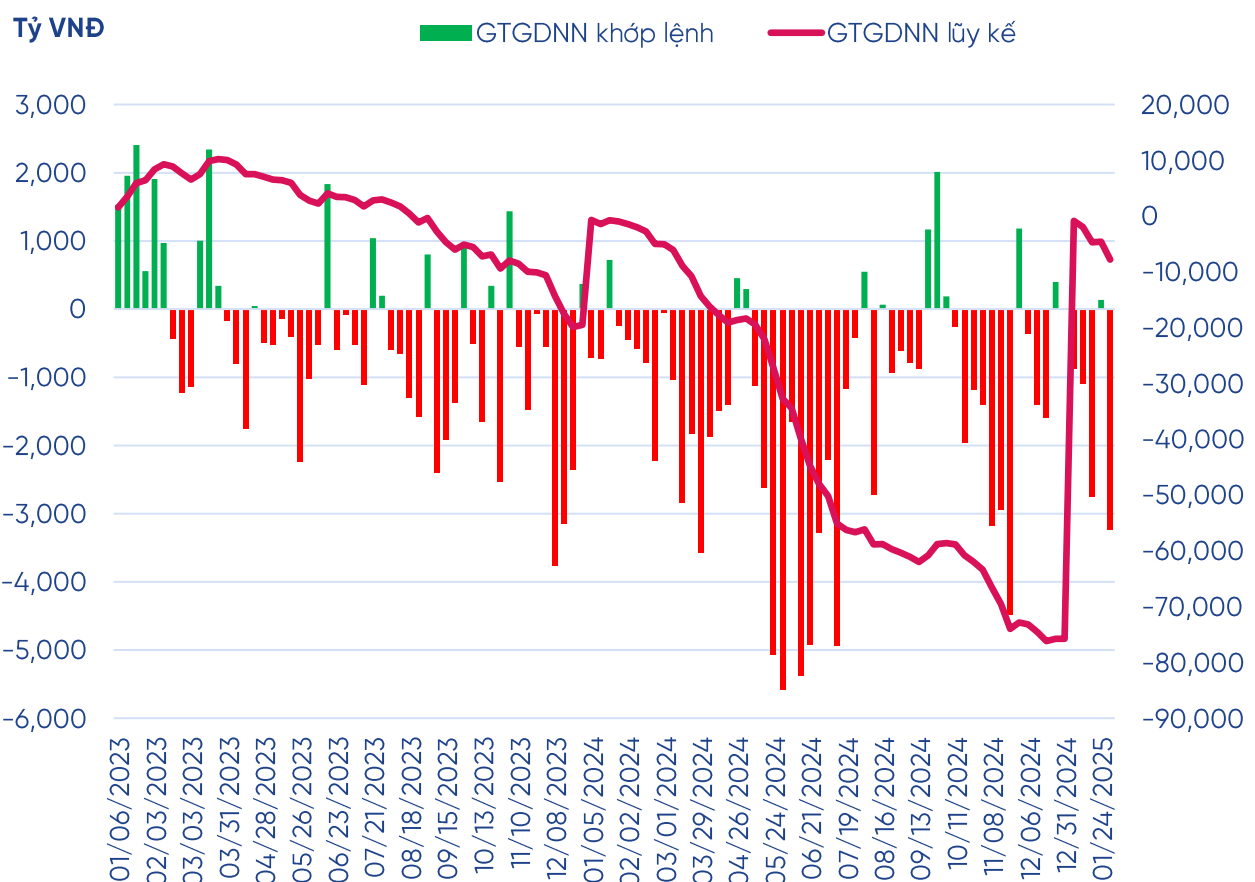


# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

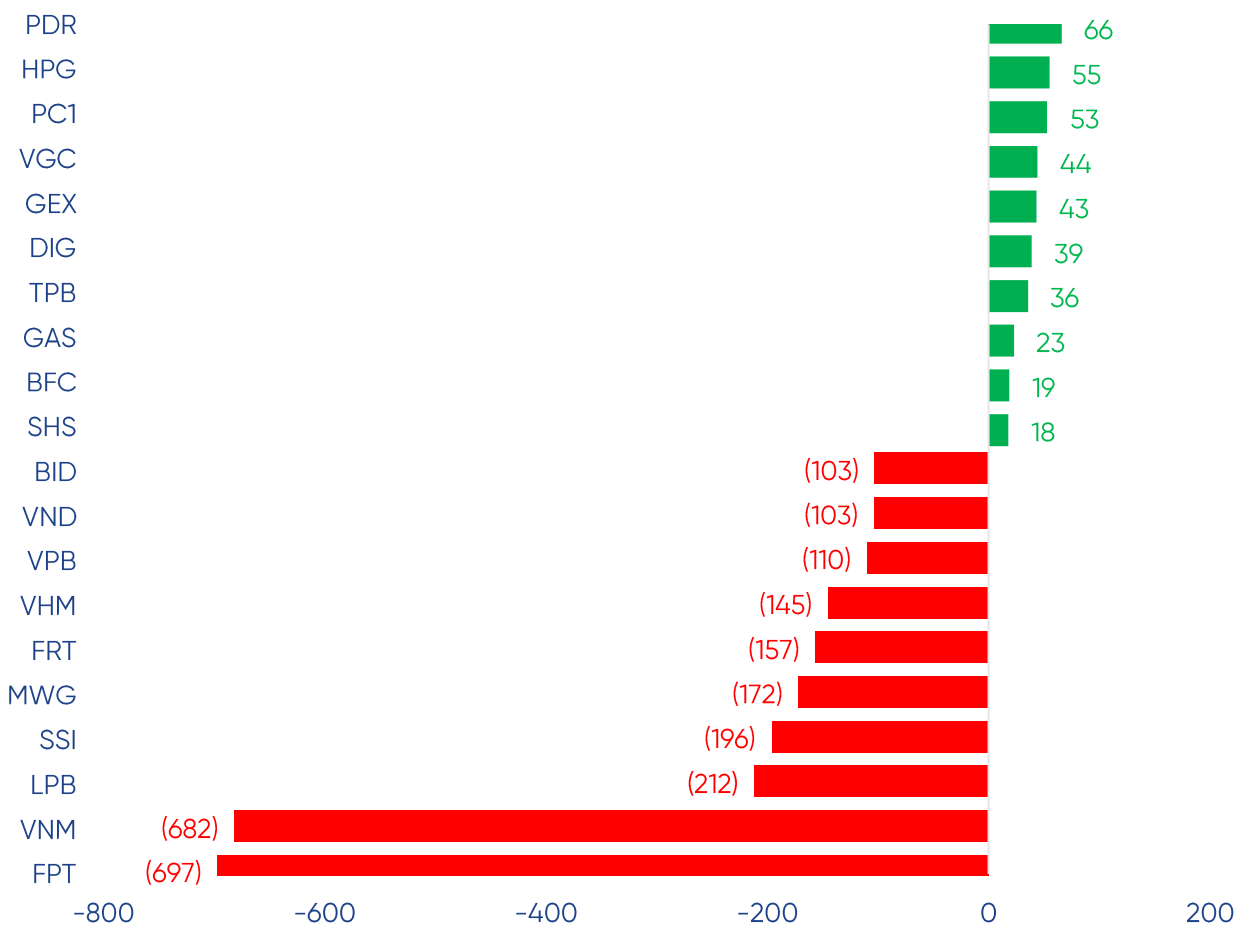
## NĐTNN bán ròng mạnh trong tuần đầu sau nghỉ lễ

- Diễn biến nhiều động của đồng Dollar trước và sau dịp nghỉ Tết cũng là yếu tố ảnh hưởng đến xu hướng dòng vốn vào thị trường khiến xu hướng bán ròng của NĐTNN vẫn tiếp tục duy trì với lực bán lớn. Tuy nhiên, áp lực bán mạnh chỉ tập trung lớn nhất vào hai mã cổ phiếu là FPT và VNM. Lũy kế từ đầu tuần, NĐTNN đã quay trở lại bán ròng -3.238 tỷ đồng với nhóm cổ phiếu gồm: FPT, VNM, LPB, SSI, MWG,... Ngược lại lực mua ròng tập trung ở một vài mã lớn như PDR, HPG, PC1, VGC, GEX, ... Lũy kế từ đầu năm 2025 đến thời điểm hiện tại NĐTNN đã bán ròng 7.819 tỷ đồng và duy trì tác động đến diễn biến và tâm lý thị trường trong ngắn hạn.

### Giao dịch NĐTNN toàn thị trường theo tuần



### Top NĐTNN Mua/bán ròng 1 tuần (tỷ VNĐ)



# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

## Dòng vốn ETF rút ròng thêm -17,7 triệu USD trong tuần vừa qua

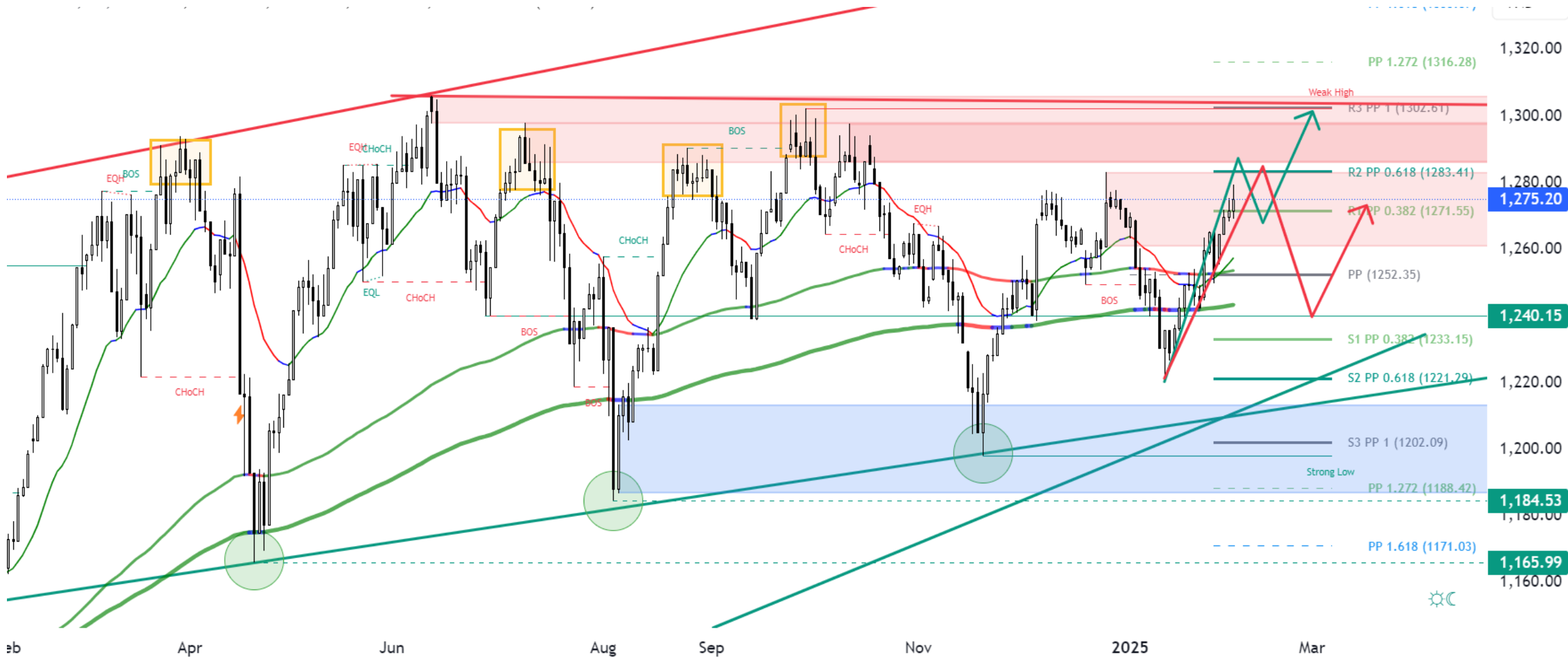
Tuần vừa qua, xu hướng rút ròng vẫn duy trì trên kênh ETF với giá trị rút đạt -17,7 triệu USD tập trung ở các quỹ như: VanEck Vietnam ETF (-7,59 triệu USD), DCVFMVN30 ETF Fund (-4,62 triệu USD), Fubon FTSE Vietnam ETF (-2,87 triệu USD),... Lũy kế 1 tháng gần đây, các quỹ ETF đã bị rút 32 triệu USD và rút ròng 41,7 triệu USD kể từ đầu năm 2025.

Vietnam ETF Funflow (US Millions)							
STT	Name	Ticker	1W Flow	1M Flow	3M Flow	YTD Flow	1Y Flow
1	VanEck Vietnam ETF	VNM US	-7.59	-16.71	-60.15	-24.27	-80.61
2	DCVFMVN30 ETF Fund	E1VFMVN30 VN	-4.62	-9.45	-25.79	-9.45	-99.55
3	Fubon FTSE Vietnam ETF	00885 TT	-2.87	-4.8	-13.46	-5.15	-230.04
4	Xtrackers FTSE Vietnam Swap UCITS ETF	XFVT GR	-1.93	-3.19	-15.47	-5.41	-79.23
5	DCVFMVN Diamond ETF	FUEVFNND VN	-0.65	1.74	-5.75	1.47	-297.31
6	KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF Synth	245710 KS	0	0	-2.81	0	-36.11
7	Premia Vietnam ETF	2804 HK	0	0	0	0	-4.13
8	Premia Vietnam ETF	9804 HK	0	0	-0.72	0	-9.68
9	DCVFMVN Mid Cap ETF	FUEDCMID VN	0	0	0	0	3.83
10	KIM Growth VN30 ETF	FUEKIV30 VN	0	0	1.34	0	40.54
11	KIM Growth VNFINSELECT ETF	FUEKIVFS VN	0	0	0.05	0	-1.63
12	KIM GROWTH VN DIAMOND ETF	FUEKIVND VN	0	0	0	0	1.74
13	MAFN VN30 ETF	FUEMAV30 VN	0	1.47	14.36	2.22	13.53
14	MAFM VNDIAMOND ETF	FUEMAVND VN	0	0	-3.82	0	-2.94
15	SSIAM VN30 ETF	FUESSV30 VN	0	0	0	0	0.08
16	SSIAM VNX50 ETF	FUESSV50 VN	0	0	0	0	-1.09
17	SSIAM VNFIN LEAD ETF	FUESSVFL VN	0	-0.51	-0.03	-0.51	-72.21
18	Global X MSCI Vietnam ETF	VNAM US	0	0	0	0	1.93
19	CGS Fullgoal Vietnam 30 Sector Cap ETF	VND SP	0	-0.58	-0.77	-0.58	-2.72
<b>Total</b>			<b>(17.7)</b>	<b>(32.0)</b>	<b>(113.0)</b>	<b>(41.7)</b>	<b>(855.6)</b>

# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

## Kịch bản thị trường trong ngắn hạn:

- **Kịch bản lạc quan (xanh):** Chỉ số VN-Index tiếp tục nhịp hồi phục kỹ thuật kiểm nghiệm kháng cự 1.283 – 1.290 điểm tuy nhiên có khả năng xuất hiện các nhịp rung lắc trước khi vượt qua và hướng tới mốc 1.300+/- điểm.
- **Kịch bản thận trọng (đỏ):** Trong kịch bản thận trọng nếu nhịp hồi phục chưa vượt qua được kháng cự 1.283+/- và xuất hiện nhịp điều chỉnh kỹ thuật kiểm nghiệm lại vùng hỗ trợ 1.235 – 1.240 điểm.



# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

## Chiến lược đầu tư:

- Đối với NĐT ngắn hạn tiếp tục ưu tiên nắm giữ và chờ chốt lời ngắn hạn với các nhóm Ngành mạnh như Ngân hàng, Logistic, Đầu tư công, Khai khoáng... khi giá nhiều cổ phiếu đã tăng khá mạnh và đang tiến tới các vùng kháng cự kỹ thuật mạnh. Ngược lại, NĐT có thể tìm cơ hội ở các Ngành có điểm mua tốt đối với nhiều nhóm Ngành đã thiết lập đáy kỹ thuật và đang trong quá trình hồi phục như BĐS, BĐS KCN, Bán lẻ hàng tiêu dùng, Dầu khí, Thép, Hóa Chất,...

### Danh mục nhóm cổ phiếu theo dõi:

- Ngân hàng (TCB, CTG, MBB, VIB, VPB, VCB)
- Bất động sản (KBC, VGC, SZC, HTN, DXG, NLG)
- Logistic (HAH, GMD, PVT, PHP)
- Điện (REE, VSH, GEX, GEG)
- Đầu tư công (CTD, HHV, VCG, CII, C4G)
- Cao su (GVR, DPR, DRI)
- Dầu khí (PVS, PVB, OIL, PLC, PLX)
- Viettel (CTR, VTP, VGI)
- Mía đường (QNS, SBT, SLS)

## TECHNICAL ANALYSIS

NGÂN HÀNG				CHỨNG KHOÁN				BẤT ĐỘNG SẢN				VẬT LIỆU XÂY DỰNG				XÂY DỰNG & HẠ TẦNG				DẦU KHÍ			
Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term
ACB	28	Strong Buy	Uptrend	SHS	12	Neutral	Uptrend	AGG	20	Buy	Uptrend	HPG	9	Neutral	Uptrend	CII	20	Buy	Uptrend	GAS	-5	Sell	Downtrend
CTG	28	Strong Buy	Uptrend	VCI	8	Neutral	Uptrend	CEO	10	Neutral	Uptrend	HSG	-3	Sell	Downtrend	C4G	22	Strong Buy	Uptrend	OIL	8	Neutral	Uptrend
BID	26	Strong Buy	Uptrend	MBS	1	Neutral	Downtrend	CSC	-22	Not Rated	Downtrend	NKG	7	Neutral	Downtrend	CTD	28	Strong Buy	Uptrend	PLX	12	Neutral	Uptrend
VIB	26	Strong Buy	Uptrend	SSI	5	Neutral	Downtrend	DIG	7	Neutral	Downtrend	VGS	5	Neutral	Downtrend	FCN	4	Neutral	Uptrend	PVB	22	Strong Buy	Uptrend
MBB	28	Strong Buy	Uptrend	HCM	1	Neutral	Uptrend	DXG	5	Neutral	Downtrend	BMP	-22	Not Rated	Downtrend	G36	13	Neutral	Uptrend	PVC	16	Buy	Uptrend
STB	26	Strong Buy	Uptrend	FTS	-5	Sell	Downtrend	HDC	3	Neutral	Downtrend	NTP	11	Neutral	Downtrend	HBC	18	Buy	Uptrend	PVD	12	Neutral	Uptrend
TPB	22	Strong Buy	Uptrend	VND	18	Buy	Uptrend	ITC	-6	Sell	Downtrend	VCS	-26	Not Rated	Downtrend	HHV	18	Buy	Uptrend	PVS	8	Neutral	Uptrend
VCB	24	Strong Buy	Uptrend	BVS	-3	Sell	Downtrend	KDH	1	Neutral	Uptrend	DHA	-22	Not Rated	Downtrend	HUT	16	Buy	Uptrend	PVT	1	Neutral	Downtrend
TCB	28	Strong Buy	Uptrend	CTS	7	Neutral	Downtrend	NLG	-3	Sell	Downtrend	PTB	-11	Sell	Downtrend	LCG	20	Buy	Uptrend				
VPB	15	Buy	Uptrend	BSI	-1	Sell	Downtrend	NL	9	Neutral	Downtrend	HT1	2	Neutral	Uptrend	VCG	22	Strong Buy	Uptrend				
SHB	22	Strong Buy	Uptrend	VDS	-15	Not Rated	Downtrend	HDG	1	Neutral	Downtrend	BCC	16	Buy	Uptrend	DPG	7	Neutral	Downtrend				
EIB	19	Buy	Uptrend	APS	9	Neutral	Downtrend	PDR	9	Neutral	Downtrend												

THỦY SẢN & ĐỆT MAY				ĐIỆN				BDS KHU CÔNG NGHIỆP				BÁN LẺ & HÀNG TIÊU DÙNG				HÓA CHẤT				VIETTEL + VINGROUP + CNTT			
Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term
ANV	-26	Not Rated	Downtrend	GEG	28	Strong Buy	Uptrend	KBC	-3	Sell	Uptrend	MWG	-11	Sell	Downtrend	AAA	16	Buy	Uptrend	VTK	13	Neutral	Uptrend
ASM	-4	Sell	Downtrend	HND	-8	Sell	Downtrend	SZC	17	Buy	Uptrend	FRT	-7	Sell	Uptrend	BFC	24	Strong Buy	Uptrend	VGI	9	Neutral	Uptrend
CMX	5	Neutral	Downtrend	NT2	-9	Sell	Downtrend	SIP	13	Neutral	Uptrend	DGW	9	Neutral	Downtrend	CSV	-1	Sell	Uptrend	VTP	8	Neutral	Uptrend
FMC	22	Strong Buy	Uptrend	PC1	22	Strong Buy	Uptrend	PHR	-9	Sell	Downtrend	PET	-6	Sell	Downtrend	DCM	7	Neutral	Downtrend	CTR	-19	Not Rated	Uptrend
GIL	-10	Sell	Downtrend	POW	14	Neutral	Uptrend	BCM	3	Neutral	Uptrend	VNM	-24	Not Rated	Downtrend	DDV	15	Buy	Downtrend	VIC	16	Buy	Uptrend
IDI	-16	Not Rated	Downtrend	QTP	-16	Not Rated	Downtrend	IDC	-3	Sell	Downtrend	DBC	-7	Sell	Downtrend	DGC	-5	Sell	Downtrend	VRE	11	Neutral	Downtrend
MPC	-24	Not Rated	Downtrend	REE	21	Strong Buy	Uptrend	DTD	-30	Not Rated	Downtrend	MSN	-5	Sell	Downtrend	DPM	-1	Sell	Uptrend	VHM	-30	Not Rated	Downtrend
TCM	-2	Sell	Downtrend	TV2	13	Neutral	Uptrend	TIP	-1	Sell	Downtrend	SBT	26	Strong Buy	Uptrend	DRC	18	Buy	Uptrend	FPT	-13	Sell	Downtrend
TNG	-14	Sell	Downtrend	VSH	26	Strong Buy	Uptrend	VGC	8	Neutral	Uptrend	PAN	24	Strong Buy	Uptrend	LAS	2	Neutral	Downtrend				
VHC	9	Neutral	Downtrend					NTC	-5	Sell	Uptrend	QNS	24	Strong Buy	Uptrend	PLC	14	Neutral	Uptrend				

DV VẬN TẢI & VẬN TÀI THỦY				LOGISTIC				Khai khoáng				CAO SU TỰ NHIÊN				SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP				DƯỢC PHẨM			
Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term	Mã	%Rank	Rating	Medium term
TCO	-22	Not Rated	Downtrend	DVP	-14	Sell	Uptrend	MSR	28	Strong Buy	Uptrend	DPR	24	Strong Buy	Uptrend	LTG	-6	Sell	Downtrend	TRA	-7	Sell	Downtrend
MHC	18	Buy	Uptrend	GMD	-17	Not Rated	Downtrend	CST	-11	Sell	Downtrend	DRG	26	Strong Buy	Uptrend	HAG	28	Strong Buy	Uptrend	DHG	9	Neutral	Downtrend
PVP	21	Strong Buy	Uptrend	HAH	24	Strong Buy	Uptrend	KSB	24	Strong Buy	Uptrend	DRI	28	Strong Buy	Uptrend	HNG	-3	Sell	Uptrend	DMC	12	Neutral	Uptrend
PVT	1	Neutral	Downtrend	ILB	28	Strong Buy	Uptrend	NBC	24	Strong Buy	Uptrend	GVR	7	Neutral	Downtrend	VLC	13	Neutral	Uptrend	DCL	-24	Not Rated	Downtrend
VOS	1	Neutral	Downtrend	SGP	26	Strong Buy	Uptrend	TVD	24	Strong Buy	Uptrend	BRC	3	Neutral	Uptrend	NSC	-16	Not Rated	Downtrend	DVN	28	Strong Buy	Uptrend
VIP	28	Strong Buy	Uptrend	TCL	28	Strong Buy	Uptrend	LCM	5	Neutral	Downtrend	PHR	-9	Sell	Downtrend	BAF	12	Neutral	Uptrend	DBD	9	Neutral	Uptrend
VTO	26	Strong Buy	Uptrend	TMS	26	Strong Buy	Uptrend	BMC	28	Strong Buy	Uptrend					DBC	-7	Sell	Downtrend	DHT	19	Buy	Uptrend
GSP	-20	Not Rated	Downtrend	VSC	24	Strong Buy	Uptrend																

# DIỄN BIẾN TTCK VIỆT NAM

## Danh mục khuyến nghị từ nền tảng cơ bản:

STT	Mã CP & Link báo cáo	Giá hiện tại	Giá ngày KN	Tăng trưởng	Giá mục tiêu 12 tháng	Upside	EPS	P/E	P/B	ROE	ROA
1	<a href="#">FPT</a>	VND 146,100	VND 145,500	0.41%	VND 158,600	8.6%	5,372	27.20	7.20	28.63%	11.87%
2	<a href="#">VNM</a>	VND 60,800	VND 63,400	-4.10%	VND 74,950	23.3%	4,022	15.12	3.94	26.28%	17.44%
3	<a href="#">ACB</a>	VND 25,700	VND 25,550	0.59%	VND 31,668	23.2%	3,759	6.84	1.38	21.75%	2.12%
4	<a href="#">PC1</a>	VND 23,950	VND 22,800	5.04%	VND 29,700	24.0%	1,158	20.68	1.55	7.82%	2.24%
5	<a href="#">MBB</a>	VND 22,750	VND 21,780	4.45%	VND 29,000	27.5%	3,729	6.10	1.24	22.09%	2.18%
6	<a href="#">VIB</a>	VND 20,500	VND 19,200	6.77%	VND 21,786	6.3%	2,390	8.58	1.46	18.06%	1.60%
7	<a href="#">LPB</a>	VND 36,500	VND 32,350	12.83%	VND 26,046	-28.6%	3,243	11.26	2.52	25.10%	2.18%
8	<a href="#">TPB</a>	VND 16,550	VND 16,050	3.12%	VND 19,275	16.5%	2,299	7.20	1.16	17.27%	1.57%
9	<a href="#">STB</a>	VND 37,450	VND 34,300	9.18%	VND 39,830	6.4%	5,351	7.00	1.28	20.03%	1.42%
10	<a href="#">NLG</a>	VND 34,650	VND 38,300	-9.53%	VND 42,200	21.8%	748	46.31	1.45	3.16%	1.06%
11	<a href="#">IDC</a>	VND 54,800	VND 55,500	-1.26%	VND 65,200	19.0%	6,050	9.06	3.22	37.71%	10.93%
12	<a href="#">TCB</a>	VND 25,750	VND 23,450	9.81%	VND 25,491	-1.0%	3,054	8.43	1.25	15.61%	2.35%
13	<a href="#">HDB</a>	VND 22,900	VND 24,750	-7.47%	VND 28,680	25.2%	3,671	6.24	1.47	25.79%	1.96%
14	<a href="#">KBC</a>	VND 29,100	VND 27,850	4.49%	VND 35,900	23.4%	583	49.89	1.21	2.45%	1.18%
15	<a href="#">KDH</a>	VND 34,550	VND 33,200	4.07%	VND 42,000	21.6%	789	43.78	2.01	4.88%	2.83%
16	<a href="#">HPG</a>	VND 26,650	VND 25,850	3.09%	VND 32,650	22.5%	1,879	14.18	1.53	11.53%	6.33%
17	<a href="#">MWG</a>	VND 58,900	VND 57,500	2.43%	VND 75,400	28.0%	2,546	23.13	3.10	14.57%	5.71%
18	<a href="#">BSR</a>	VND 20,350	VND 19,100	6.54%	VND 24,100	18.4%	202	100.70	1.14	1.11%	0.71%
19	<a href="#">SIP</a>	VND 81,500	VND 81,900	-0.49%	VND 90,500	11.0%	5,045	16.15	4.06	28.44%	5.18%
20	<a href="#">PVS</a>	VND 33,700	VND 37,000	-8.92%	VND 48,000	42.4%	2,473	13.63	1.21	9.04%	3.91%
21	<a href="#">GAS</a>	VND 67,300	VND 69,600	-3.30%	VND 83,500	24.1%	4,394	15.32	2.62	16.73%	12.26%
22	<a href="#">QTP</a>	VND 13,600	VND 13,700	-0.73%	VND 17,500	28.7%	1,360	10.00	1.16	10.68%	7.93%
23	<a href="#">VEA</a>	VND 40,300	VND 45,300	-11.04%	VND 52,200	29.5%	4,667	8.64	2.10	24.57%	22.72%
24	<a href="#">SAB</a>	VND 52,400	VND 55,200	-5.07%	VND 67,600	29.0%	3,357	15.61	2.89	18.23%	12.83%
25	<a href="#">PNJ</a>	VND 98,300	VND 93,000	5.70%	VND 116,500	18.5%	6,131	16.03	2.95	20.08%	13.37%
26	<a href="#">PHR</a>	VND 52,100	VND 60,000	-13.17%	VND 66,700	28.0%	2,840	18.34	1.81	10.35%	6.37%
27	<a href="#">PDR</a>	VND 41,500	VND 38,650	7.37%	VND 48,500	16.9%	3,217	12.90	1.47	11.63%	6.39%
28	<a href="#">VHM</a>	VND 38,750	VND 44,150	-12.23%	VND 54,200	39.9%	7,184	5.39	0.79	16.35%	6.20%
29	<a href="#">DCM</a>	VND 34,650	VND 37,700	-8.09%	VND 42,400	22.4%	2,287	15.15	1.82	12.09%	8.63%
30	<a href="#">VPB</a>	VND 18,950	VND 18,450	2.71%	VND 23,600	24.5%	1,989	9.53	1.06	11.41%	1.81%
31	<a href="#">REE</a>	VND 66,800	VND 67,000	-0.30%	VND 73,400	9.9%	3,869	17.27	1.73	10.38%	5.18%
32	<a href="#">NAB</a>	VND 17,150	VND 16,250	5.54%	VND 19,286	12.5%	2,805	6.11	1.27	22.66%	1.63%

## MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Công ty Cổ phần Chứng khoán VPBank

Tầng 25, tòa nhà VPBank, số 89 Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1900 636679

Email: cskh@vpbanks.com.vn

Website: www.vpbanks.com.vn

### Phòng Chiến lược thị trường

Email: Chienluocthitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mở tài khoản VPBankS tại:

